



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# CÔNG BÁO

Do UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Tháng 6

Số 05 (30/6/2006)

## MỤC LỤC

Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Trang
<b>ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ</b>		
16-6-2006	- Quyết định số 89/2006/QĐ-UBND về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Bưu chính, Viễn thông thành phố Hồ Chí Minh.	3
16-6-2006	- Quyết định số 90/2006/QĐ-UBND về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố.	15
22-6-2006	- Quyết định số 91/2006/QĐ-UBND về sửa đổi, bổ sung quy định điều kiện cho đối tượng có thu nhập thấp vay tiền tại Quỹ Phát triển nhà ở thành phố để tạo lập nhà ở.	27

### **ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8**

- 20-6-2006 - Quyết định số 21/2006/QĐ-UBND về việc điều chỉnh chỉ tiêu thu Quỹ phòng, chống lụt bão đối với công dân năm 2006. 29
- 20-6-2006 - Quyết định số 22/2006/QĐ-UBND về giao chỉ tiêu thu Quỹ phòng, chống lụt bão đối với doanh nghiệp trên địa bàn quận 8 năm 2006. 33

### **ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH**

- 21-6-2006 - Quyết định số 2769/2006/QĐ-UBND về việc điều chỉnh, bổ sung thành viên Hội đồng đền bù thiệt hại và giải phóng mặt bằng trong việc điều chỉnh, di chuyển nhà ở dân cư, vật kiến trúc và công trình kỹ thuật trong dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở cho người thu nhập thấp tại Phường 13 thuộc Công ty Dịch vụ Công ích quận Bình Thạnh. 38
- 21-6-2006 - Quyết định số 2771/2006/QĐ-UBND về việc thành lập Bộ phận Thường trực thực hiện Nghị quyết liên tịch số 01/2005/NQLT-BLĐTBXH-BCA-BVHTT-UBTU'MTTQ ngày 17/11/2005 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội-Bộ Công An-Bộ Văn hóa-Thông tin-Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tại quận Bình Thạnh. 40

### **ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP**

- 09-6-2006 - Quyết định số 22/2006/QĐ-UBND về ban hành Quy chế đánh giá, xét khen thưởng thực hiện phong trào Thi đua yêu nước. 43

**THÀNH PHỐ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 89/2006/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 6 năm 2006

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của  
Sở Bru chính, Viễn thông thành phố Hồ Chí Minh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 02/2004/TTLT-BBCVT-BNV ngày 27 tháng 5 năm 2004 của Bộ Bru chính, Viễn thông và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Bru chính, Viễn thông thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 274/2004/QĐ-UB ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về thành lập Sở Bru chính, Viễn thông;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Bru chính, Viễn thông tại Văn bản số 102/SBCVT-VP ngày 08 tháng 3 năm 2006 và của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 192/TTr-SNV ngày 06 tháng 4 năm 2006,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Bru chính, Viễn thông thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Giám đốc Sở Bru chính, Viễn thông có trách nhiệm tổ chức triển khai và thực hiện các nội dung, điều khoản của Quy chế được ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận-huyện và Giám đốc Sở Bưu chính, Viễn thông chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH/THƯỜNG TRỰC**

**Nguyễn Thiện Nhân**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**QUY CHẾ  
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA SỞ BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*(Kèm theo Quyết định số 89/2006/QĐ-UBND  
ngày 16 tháng 6 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

**Chương I  
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1.** Sở Bưu chính, Viễn thông là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, có chức năng tham mưu và giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý Nhà nước về bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, điện tử, Internet, truyền dẫn phát sóng, tần số vô tuyến điện và cơ sở hạ tầng thông tin (gọi chung là bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin); quản lý các dịch vụ công về bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh; thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo sự ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố và theo quy định của pháp luật.

Sở Bưu chính, Viễn thông chịu sự quản lý và chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban nhân dân thành phố, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ của Bộ Bưu chính, Viễn thông.

**Điều 2.** Sở Bưu chính, Viễn thông có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được cấp kinh phí hoạt động từ ngân sách và được mở tài khoản tại Ngân hàng và Kho bạc Nhà nước theo quy định hiện hành.

Sở Bưu chính, Viễn thông thành phố Hồ Chí Minh có tên giao dịch bằng tiếng Anh là: HOCHIMINH CITY DEPARTMENT OF POSTS AND TELEMATICS, (Viết tắt là: DPT HCM City)

Trụ sở làm việc của Sở Bưu chính, Viễn thông đặt tại số 59 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 3.** Giám đốc Sở Bưu chính, Viễn thông chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Bưu chính, Viễn thông về toàn bộ hoạt động của Sở theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Quy chế này.

## **Chương II**

### **NHIỆM VỤ - QUYỀN HẠN**

**Điều 4.** Sở Bưu chính, Viễn thông có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

#### **4.1. Về thi hành pháp luật :**

4.1.1. Trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành các quyết định, chỉ thị phục vụ công tác quản lý Nhà nước ngành bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin trên địa bàn thành phố và chịu trách nhiệm về nội dung các văn bản đã trình;

4.1.2. Nghiên cứu trình Ủy ban nhân dân thành phố các chủ trương, chính sách và biện pháp nhằm thúc đẩy phát triển ngành bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin phù hợp với quy hoạch phát triển bưu chính viễn thông và công nghệ thông tin của Quốc gia;

4.1.3. Chấp hành đúng quy định của pháp luật về quản lý hành chính Nhà nước trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

4.1.4. Trình Ủy ban nhân dân thành phố quy hoạch, kế hoạch phát triển, chương trình, kế hoạch dài hạn, 5 năm và hàng năm về bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố và quy hoạch phát triển bưu chính viễn thông và công nghệ thông tin của Quốc gia;

4.1.5. Tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra và chịu trách nhiệm thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển, các chương trình, dự án, tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật về bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin sau khi được phê duyệt; thông tin tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở.

#### **4.2. Về bưu chính:**

4.2.1. Trình Ủy ban nhân dân thành phố các giải pháp cụ thể để triển khai các hoạt động công ích về bưu chính trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm triển khai, kiểm tra thực hiện sau khi được phê duyệt;

4.2.2. Hướng dẫn, kiểm tra, tổ chức việc thực hiện công tác bảo vệ an toàn mạng bưu chính, an toàn và an ninh thông tin trong hoạt động bưu chính trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật;

4.2.3. Phối hợp với cơ quan liên quan kiểm tra việc thực hiện quy định về áp dụng các tiêu chuẩn, chất lượng trong lĩnh vực bưu chính trên địa bàn thành phố.

### **4.3. Về viễn thông, Internet, truyền dẫn phát sóng:**

4.3.1. Trình Ủy ban nhân dân thành phố các giải pháp cụ thể để triển khai các hoạt động công ích về viễn thông và Internet trên địa bàn thành phố; chịu trách nhiệm triển khai, kiểm tra thực hiện sau khi được phê duyệt;

4.3.2. Hướng dẫn, kiểm tra, tổ chức việc thực hiện công tác bảo vệ an toàn mạng viễn thông, an toàn và an ninh thông tin trong hoạt động viễn thông, Internet trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật;

4.3.3. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch phân bổ kênh tần số đối với các đài phát thanh, truyền hình hoạt động trên địa bàn thành phố;

4.3.4. Phối hợp với cơ quan liên quan kiểm tra việc thực hiện quy định về áp dụng các tiêu chuẩn, chất lượng trong lĩnh vực viễn thông, Internet trên địa bàn thành phố.

### **4.4. Về điện tử, công nghệ thông tin:**

4.4.1. Nghiên cứu trình Ủy ban nhân dân thành phố :

- Các đề án phát triển công nghiệp công nghệ thông tin bao gồm công nghiệp phần cứng, công nghiệp phần mềm - dịch vụ, công nghiệp điện tử trên địa bàn thành phố phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch của quốc gia và tổ chức triển khai thực hiện sau khi được phê duyệt;

- Chương trình, kế hoạch ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin, kế hoạch xây dựng Chính phủ điện tử trên địa bàn thành phố và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt;

- Các cơ chế, chính sách thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp với đặc thù của địa phương và phù hợp với quy hoạch phát triển công nghệ thông tin của Quốc gia;

- Kế hoạch bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin trên địa bàn thành phố; chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

4.4.2. Trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định về an toàn công nghệ thông tin theo thẩm quyền; chịu trách nhiệm tổ chức, hướng dẫn việc thực hiện sau khi được ban hành;

4.4.3. Chịu trách nhiệm triển khai các chương trình xã hội hóa công nghệ thông tin của Chính phủ, của Bộ Bưu chính, Viễn thông trên địa bàn thành phố theo sự phân công của Ủy ban nhân dân thành phố;

4.4.4. Thẩm định các chương trình, dự án ứng dụng công nghệ thông tin trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật; tổ chức thực hiện các dự án đầu tư về công nghệ thông tin do Ủy ban nhân dân thành phố giao;

**4.5.** Giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý Nhà nước đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật.

**4.6.** Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các hoạt động dịch vụ công về bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật; giúp Ủy ban nhân dân thành phố trong việc tổ chức công tác thông tin liên lạc phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước, phục vụ quốc phòng, an ninh, đối ngoại; thông tin phòng chống lụt, bão; thông tin về an toàn cứu nạn, cứu hộ và các thông tin khẩn cấp khác trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật.

**4.7.** Tham gia thẩm định hoặc thẩm định và chịu trách nhiệm về nội dung thẩm định đối với các dự án về đầu tư chuyên ngành bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin thuộc địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật.

**4.8.** Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin, hướng dẫn thực hiện các quy định của Nhà nước về áp dụng tiêu chuẩn kỹ thuật, công bố chất lượng sản phẩm, dịch vụ đối với các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin trên địa bàn thành phố.

**4.9.** Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố và của Bộ Bưu chính, Viễn thông; tham gia thực hiện điều tra thống kê theo hướng dẫn của Bộ Bưu chính, Viễn thông, Ủy ban nhân dân thành phố và theo yêu cầu của tình hình thực tế.

#### **4.10. Về đối ngoại:**

4.10.1. Trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt và triển khai thực hiện kế hoạch hợp tác quốc tế hoặc tiếp nhận viện trợ để tổ chức hoạt động trong lĩnh vực đầu tư phát triển về bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin theo quy định của pháp luật;

4.10.2. Thực hiện và chỉ đạo thực hiện các chương trình, dự án quốc tế tài trợ cho thành phố, kể cả viện trợ Chính phủ và phi Chính phủ có liên quan đến bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin khi được Ủy ban nhân dân thành phố cho phép;



4.10.3. Được tổ chức, tham gia các hội nghị, hội thảo quốc tế về các lĩnh vực thuộc ngành do các tổ chức nước ngoài hoặc tổ chức trong nước mời khi được Ủy ban nhân dân thành phố cho phép hoặc ủy quyền.

#### **4.11. Về quản lý các Hội ngành nghề :**

4.11.1. Giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý Nhà nước về các hoạt động của hội và tổ chức phi Chính phủ thuộc lĩnh vực bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin trên địa bàn theo phân công của Ủy ban nhân dân thành phố và theo quy định của pháp luật;

4.11.2. Cung cấp thông tin cần thiết về chính sách, pháp luật, phương hướng, quy hoạch, kế hoạch, chương trình phát triển của ngành, tạo điều kiện thuận lợi để các Hội tham gia các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của thành phố;

4.11.3. Thu thập ý kiến của Hội đóng góp với Đảng, Nhà nước trong quá trình xây dựng và thực hiện các chính sách, nhiệm vụ công tác của ngành;

4.11.4. Phối hợp với Sở Nội vụ hướng dẫn, kiểm tra hoạt động của các Hội trong việc chấp hành pháp luật và thực hiện điều lệ Hội; đề xuất biện pháp xử lý đối với các vi phạm của Hội;

4.11.5. Định kỳ hàng năm, tổng hợp tình hình tổ chức hoạt động và quản lý Hội thuộc lĩnh vực để báo cáo cho Sở Nội vụ tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

#### **4.12. Về thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm và tranh chấp chuyên ngành :**

4.12.1. Thanh tra, kiểm tra theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý Nhà nước của Sở Bưu chính, Viễn thông trong việc chấp hành chính sách, chế độ quy định có liên quan của Nhà nước và Ủy ban nhân dân thành phố;

4.12.2. Xử lý các vi phạm về hoạt động bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin trên địa bàn và giải quyết tranh chấp chuyên ngành theo quy định của pháp luật;

4.12.3. Giải quyết các đơn thư, khiếu nại, tố cáo của các tổ chức, cá nhân về các nội dung có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Bưu chính, Viễn thông theo thẩm quyền hoặc đề xuất trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định theo quy định của pháp luật;

4.12.4. Tổng hợp, báo cáo kết quả công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, chống tham nhũng thuộc phạm vi quản lý của Sở.

#### **4.13. Về công tác tổ chức bộ máy và cán bộ :**

4.13.1. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, thực hiện chế độ tiền lương và các chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý; tổ chức đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của Sở theo quy định của pháp luật;

4.13.2. Nghiên cứu và phối hợp với Sở Nội vụ đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố phương án kiện toàn tổ chức bộ máy, sắp xếp bố trí, luân chuyển cán bộ, công chức thuộc Sở Bưu chính, Viễn thông theo hướng cải cách hành chính và hoạt động có hiệu quả;

4.13.3. Nghiên cứu và phối hợp với Sở Nội vụ trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thành lập, chia tách, sáp nhập, giải thể đối với các đơn vị trực thuộc Sở Bưu chính, Viễn thông;

4.13.4. Xây dựng và trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định phương án tổ chức lại hoặc điều chỉnh quy mô các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Bưu chính, Viễn thông nhằm đáp ứng nhu cầu hoạt động và phát triển ngành trên địa bàn thành phố;

4.13.5. Thực hiện việc bổ nhiệm và bố trí cán bộ theo các chức danh, tiêu chuẩn công chức trực thuộc Sở Bưu chính, Viễn thông theo quy định; phối hợp với Sở Nội vụ trình Ủy ban nhân dân thành phố về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, kỷ luật và thực hiện chính sách đối với cán bộ, công chức thuộc diện Thành ủy và Ủy ban nhân dân thành phố quản lý đang công tác tại Sở Bưu chính, Viễn thông theo quy định phân cấp quản lý cán bộ;

4.13.6. Quy hoạch, xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng (kể cả trong và ngoài nước) đội ngũ cán bộ, công chức; xây dựng và thực hiện kế hoạch tuyển dụng cán bộ, công chức theo đúng quy định pháp luật và hướng dẫn của Sở Nội vụ;

4.13.7. Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, phát huy năng lực, trình độ và nâng cao hiệu quả hoạt động của đội ngũ cán bộ, công chức và hiệu quả quản lý Nhà nước của ngành trên địa bàn thành phố, tạo điều kiện phát huy vai trò hoạt động của các tổ chức đoàn thể như Đoàn thanh niên, Công đoàn...

4.13.8. Hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra đối với các đơn vị trực thuộc Sở Bưu chính, Viễn thông trong việc thực hiện nhiệm vụ, sử dụng kinh phí, tài sản được cấp, biên chế được giao đúng mục đích và có hiệu quả.

**4.14.** Chỉ đạo và tổ chức thực hiện chương trình cải cách hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Sở sau khi được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

**4.15. Về tài chính :**

4.15.1. Kinh phí hoạt động của Sở Bưu chính, Viễn thông do ngân sách Nhà nước cấp. Ngoài ra, Sở Bưu chính, Viễn thông còn thực hiện các khoản thu, chi khác theo quy định của pháp luật;

4.15.2. Phân bổ và kiểm tra thực hiện theo đúng nguyên tắc chế độ tài chính và thực hiện dự toán thu, chi, quyết toán kinh phí ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật;

4.15.3. Cùng với các sở - ngành chức năng tổ chức kiểm tra, đánh giá việc sử dụng kinh phí, tài sản do Nhà nước giao cho các đơn vị trực thuộc Sở.

**4.16.** Thực hiện các công tác khác theo phân công và ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố.

### **Chương III**

## **TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC**

**Điều 5.**

5.1. Sở Bưu chính, Viễn thông thành phố làm việc theo chế độ Thủ trưởng, Sở có Giám đốc và các Phó Giám đốc. Giám đốc là người đứng đầu Sở, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố về toàn bộ các hoạt động của Sở Bưu chính, Viễn thông. Giám đốc Sở Bưu chính, Viễn thông do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố bổ nhiệm, miễn nhiệm.

5.2. Phó Giám đốc Sở Bưu chính, Viễn thông là người giúp việc cho Giám đốc Sở, phụ trách một hoặc một số lĩnh vực công tác do Giám đốc Sở phân công và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở về các nhiệm vụ công tác được giao. Phó Giám đốc Sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét bổ nhiệm, miễn nhiệm và điều động theo đề nghị của Giám đốc Sở.

5.3. Giám đốc Sở Bưu chính, Viễn thông được quyền bổ nhiệm và miễn nhiệm các chức danh lãnh đạo các phòng, ban và các đơn vị trực thuộc Sở, trừ các chức danh do Ủy ban nhân dân thành phố hoặc Giám đốc Sở Nội vụ bổ nhiệm theo phân cấp quản lý cán bộ của thành phố.

5.4. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Bưu chính, Viễn thông và tình hình thực tế, sau khi trao đổi ý kiến với Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Bưu chính, Viễn thông được quyết định thành lập, sáp nhập hoặc điều chỉnh các phòng, ban chức năng của Sở cho phù hợp trong từng thời kỳ; riêng Thanh tra Sở theo quy định của Pháp luật.

**Điều 6.** Cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở Bưu chính, Viễn thông:

6.1. Các phòng chuyên môn nghiệp vụ :

- Văn phòng
- Phòng Kế hoạch - Tổng hợp
- Phòng Công nghệ thông tin
- Phòng Bưu chính - Viễn thông
- Phòng Nghiên cứu và Ứng dụng
- Thanh tra Sở

6.2. Các đơn vị trực thuộc :

- Ban quản lý các dự án Công nghệ thông tin;
- Trung tâm Đào tạo, Nghiên cứu và Phát triển công nghệ thông tin - viễn thông.
- Công ty Phát triển Công viên Phần mềm Quang Trung.

6.3. Biên chế của Sở Bưu chính, Viễn thông được Ủy ban nhân dân thành phố giao trong tổng số chỉ tiêu biên chế hành chính sự nghiệp của thành phố.

## **Chương IV**

### **MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC**

**Điều 7.** Đối với Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố:

7.1. Chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban nhân dân thành phố về các mặt công tác tổ chức, biên chế, kinh phí; thực hiện các kế hoạch do thành phố giao và những công tác khác theo phân công của Ủy ban nhân dân thành phố.

7.2. Báo cáo định kỳ và đột xuất các mặt hoạt động của Sở với Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định.

7.3. Chịu sự giám sát của Hội đồng nhân dân thành phố, có trách nhiệm báo cáo, trình bày hoặc cung cấp tài liệu cần thiết cho Hội đồng nhân dân thành phố, trả lời các

chất vấn, kiến nghị của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực quản lý hành chính, quản lý Nhà nước của Sở Bưu chính, Viễn thông.

**Điều 8.** Đối với Bộ Bưu chính, Viễn thông:

8.1. Sở Bưu chính, Viễn thông chịu sự chỉ đạo và hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ nhằm đảm bảo thống nhất về hoạt động của ngành trong cả nước và phân cấp quản lý của ngành trong cả nước và sự phân cấp quản lý của Trung ương; báo cáo kết quả hoạt động và chương trình, kế hoạch công tác cho Bộ; dự các cuộc họp do Bộ và các cơ quan ngang Bộ triệu tập.

8.2. Khi chỉ đạo hoặc hướng dẫn của Bộ chưa phù hợp với tình hình thực tiễn của thành phố hoặc chưa thống nhất với chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố hoặc của cấp trên, Sở Bưu chính, Viễn thông phải kịp thời báo cáo và đề xuất để Ủy ban nhân dân thành phố làm việc với Bộ hoặc kiến nghị Thủ tướng Chính phủ.

**Điều 9.** Đối với các cơ quan quản lý Nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân thành phố:

9.1. Quan hệ phối hợp với tất cả các cơ quan chuyên môn, các cơ quan quản lý Nhà nước và quản lý tổng hợp thuộc Ủy ban nhân dân thành phố nhằm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Sở theo phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố và phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước.

9.2. Được yêu cầu các sở ngành, các cơ quan, đơn vị, Tổng Công ty Nhà nước (hoặc tương đương) trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố và Ủy ban nhân dân quận - huyện cung cấp thông tin tài liệu về các doanh nghiệp có các hoạt động liên quan đến ngành nhằm phục vụ cho việc theo dõi, quản lý Nhà nước theo ngành của Sở.

**Điều 10.** Đối với Ủy ban nhân dân quận - huyện :

Chủ trì phối hợp trong việc quy hoạch ngành bưu chính, viễn thông trên địa bàn quận - huyện; hướng dẫn thực hiện cơ chế chính sách, pháp luật và các quy định về quản lý bưu chính, viễn thông và Internet, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý Nhà nước, xây dựng Chính phủ điện tử tại địa phương.

**Điều 11.** Đối với tổ chức Đảng và Đoàn thể của thành phố:

11.1. Chịu sự lãnh đạo của Thành ủy về phương hướng hoạt động quản lý Nhà nước về lĩnh vực Bưu chính, Viễn thông và thực hiện những nhiệm vụ khác theo Nghị quyết và chỉ đạo của Thành ủy. Báo cáo kết quả hoạt động thuộc phạm vi quản lý của Sở Bưu chính, Viễn thông cho Thường trực Thành ủy khi có yêu cầu.

11.2. Sở Bưu chính, Viễn thông tạo điều kiện để Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các đoàn thể, tổ chức và cá nhân tham gia ý kiến với Sở trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ của mình.

11.3. Đối với những vấn đề lớn, có liên quan đến đoàn thể nào thì Giám đốc Sở Bưu chính, Viễn thông phải mời lãnh đạo đoàn thể đó tham gia hoặc hỏi ý kiến bằng văn bản trước khi trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

## **Chương V**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 13.**

Căn cứ nội dung Quy chế này, Giám đốc Sở Bưu chính, Viễn thông có trách nhiệm quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban; ban hành quy chế, chế độ quản lý theo từng lĩnh vực, phân công nhiệm vụ cho từng cán bộ, công chức thuộc phạm vi cơ cấu tổ chức của Sở Bưu chính, Viễn thông.

#### **Điều 14.**

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có những điểm không còn phù hợp với quy định của Nhà nước, Giám đốc Sở Bưu chính, Viễn thông có trách nhiệm kịp thời báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, điều chỉnh bổ sung, sửa đổi nội dung Quy chế này cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH/THƯỜNG TRỰC**

**Nguyễn Thiện Nhân**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 90/2006/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 6 năm 2006

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 11/2004/TTLT-BNN-BNV ngày 02 tháng 4 năm 2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quản lý Nhà nước về nông nghiệp và phát triển nông thôn và Thông tư Liên tịch số 01/2005/TTLT-BTS-BNV ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ Thủy sản và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân quản lý Nhà nước về thủy sản ở địa phương ;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 549/SNN-TCCB ngày 28 tháng 4 năm 2006 và của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 289/TT-SNV ngày 23 tháng 5 năm 2006 ;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 29/2003/QĐ-UB ngày 06 tháng 3 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH/THƯỜNG TRỰC**

**Nguyễn Thiện Nhân**



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**QUY CHẾ  
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ  
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*(Kèm theo Quyết định số 90/2006/QĐ-UBND  
ngày 16 tháng 6 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

**Chương I  
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1.** Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, thủy sản và phát triển nông thôn; về các dịch vụ công thuộc ngành nông nghiệp, ngành thủy sản và phát triển nông thôn; thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo sự ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố và theo quy định của pháp luật.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân thành phố, đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra về nghiệp vụ chuyên môn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thủy sản.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được cấp kinh phí hoạt động từ ngân sách, được mở tài khoản tại Ngân hàng và Kho bạc Nhà nước để hoạt động.

**Điều 2.** Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thủy sản về toàn bộ kết quả hoạt động của Sở theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định trong Quy chế này.

## **Chương II**

### **NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN**

**Điều 3.** Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có nhiệm vụ:

1. Về pháp luật:

a) Chấp hành và tổ chức thực hiện đúng pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước, về quản lý hành chính trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, thủy sản và phát triển nông thôn.

b) Trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành các quyết định, chỉ thị về lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở và chịu trách nhiệm về nội dung các văn bản đã trình.

c) Trình Ủy ban nhân dân thành phố và chịu trách nhiệm về nội dung quy hoạch, kế hoạch phát triển, chương trình, dự án về nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, thủy sản và phát triển nông thôn phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

d) Giúp Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch dài hạn, 5 năm, hàng năm, các chương trình, dự án, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật về nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, thủy sản và phát triển nông thôn đã được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật theo chuyên ngành.

2. Về nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi):

a) Thẩm định và chịu trách nhiệm về phương án sử dụng đất dành cho trồng trọt và chăn nuôi; về biện pháp chống thoái hóa đất nông nghiệp trên địa bàn thành phố theo quy định.

b) Giúp Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo sản xuất nông nghiệp, quyết định và chịu trách nhiệm về việc áp dụng giống cây trồng, giống vật nuôi mới, thời vụ. Chỉ đạo kiểm tra và chịu trách nhiệm việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, vật tư nông nghiệp, phân bón, thức ăn chăn nuôi và các chế phẩm sinh học phục vụ nông nghiệp.

c) Tổ chức công tác bảo vệ thực vật, thú y, phòng và chống dịch bệnh động, thực vật và khắc phục hậu quả dịch bệnh; chỉ đạo, thực hiện kiểm dịch nội địa về động, thực vật và quản lý - kiểm định giống cây trồng vật nuôi.

3. Về lâm nghiệp:

a) Xây dựng phương án, biện pháp, chỉ đạo, kiểm tra và chịu trách nhiệm về sản xuất giống cây lâm nghiệp và sử dụng vật tư lâm nghiệp; trồng rừng; phòng và chống dịch bệnh, bảo vệ rừng trên địa bàn thành phố.

b) Tổ chức việc điều tra, phân loại rừng, thống kê diện tích, cơ cấu trữ lượng của từng loại rừng; lập bản đồ rừng trên địa bàn thành phố theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

c) Chịu trách nhiệm thẩm định, tổng hợp hồ sơ về thiết kế khai thác rừng tự nhiên để Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt, hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định theo phân cấp của Chính phủ; trình Ủy ban nhân dân thành phố việc cấp phép khai thác rừng tự nhiên sau khi được phê duyệt và kiểm tra việc khai thác rừng theo thiết kế được duyệt.

d) Trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thành lập các khu rừng phòng hộ, các khu rừng đặc dụng và các khu rừng có tầm quan trọng khác thuộc thành phố theo thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố và quy định của pháp luật.

#### 4. Về diêm nghiệp:

Chỉ đạo, kiểm tra và chịu trách nhiệm về quy hoạch sản xuất muối; chỉ đạo việc bảo quản muối, dự trữ muối trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật.

#### 5. Về thủy lợi:

a) Trình Ủy ban nhân dân thành phố về phân cấp quản lý các công trình thủy lợi vừa và nhỏ, chương trình mục tiêu cấp, thoát nước nông thôn trên địa bàn thành phố theo từng giai đoạn phát triển; hướng dẫn, kiểm tra và chịu trách nhiệm về việc xây dựng, khai thác, sử dụng và bảo vệ các công trình thủy lợi vừa và nhỏ, tổ chức thực hiện chương trình, mục tiêu cấp, thoát nước nông thôn đã được phê duyệt.

b) Thực hiện các quy định về quản lý lưu vực sông, suối, khai thác sử dụng và phát triển tổng hợp các dòng sông mới trên địa bàn thành phố theo quy hoạch, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Chỉ đạo, kiểm tra và chịu trách nhiệm về xây dựng, khai thác, bảo vệ đê điều, bảo vệ công trình phòng, chống lũ, lụt, bão; xây dựng phương án, biện pháp và tổ chức thực hiện việc phòng, chống lũ, lụt, bão, hạn hán, úng ngập, chua phèn, xâm nhập mặn, sạt lở ven sông, ven biển trên địa bàn thành phố.

#### 6. Về thủy sản:

a) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện về nuôi trồng khai thác, chế biến, nguồn giống, bảo vệ nguồn lợi và công tác thú y thủy sản trên địa bàn thành phố theo đúng quy định.

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy định của pháp luật về khai thác, phát triển, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, xuất và nhập các loài thủy sản trên địa bàn thành phố.

c) Thực hiện việc đăng kiểm phương tiện và thiết bị an toàn nghề cá, đăng ký tàu cá, đăng ký thuyền viên tàu cá của thành phố theo hướng dẫn, phân cấp của Bộ Thủy sản và quy định của pháp luật.

d) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy định về điều kiện sản xuất, tiêu chuẩn kỹ thuật về chất lượng, an toàn, vệ sinh, kiểm dịch và thú y thủy sản; phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện quy định về quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm thủy sản trên địa bàn thành phố.

đ. Kiểm tra, công nhận hoặc hủy bỏ công nhận điều kiện an toàn, vệ sinh thủy sản vùng nuôi, tàu cá, cảng cá, bến cá, chợ thủy sản, đại lý nguyên liệu, bảo quản chế biến, kinh doanh thủy sản, cơ sở sản xuất thức ăn, thuốc thú y thủy sản; các loại vật tư, hóa chất, chế phẩm sinh học phục vụ nuôi trồng thủy sản theo phân công, phân cấp và quy định của pháp luật.

e) Chỉ đạo, kiểm tra và tổ chức thực hiện việc phòng, chống dịch bệnh và kiểm dịch động, thực vật thủy sản. Phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện các biện pháp phục hồi môi trường sau khi dập tắt dịch bệnh.

## 7. Về phát triển nông thôn:

a) Tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân thành phố về cơ chế, chính sách, biện pháp khuyến khích phát triển nông thôn; theo dõi, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố về phát triển nông thôn trên địa bàn.

b) Hướng dẫn phát triển kinh tế hộ, trang trại, kinh tế tập thể nông nghiệp và doanh nghiệp nông nghiệp, lâm nghiệp vừa và nhỏ.

c) Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến diêm trên địa bàn thành phố.

d) Hướng dẫn việc chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản và muối; phát triển ngành, nghề, làng nghề nông thôn trên địa bàn thành phố.

đ. Chỉ đạo, kiểm tra và chịu trách nhiệm về việc khai thác và sử dụng nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn trên địa bàn thành phố.

8. Phối hợp với cơ quan liên quan tổ chức công tác dự báo thị trường nông sản, lâm sản, thủy sản và muối.

9. Xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ tư liệu về nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, thủy sản và phát triển nông thôn; tổ chức công tác thống kê diễn biến đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, đất diêm nghiệp, diễn biến rừng theo quy định.

10. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các dự án và xây dựng mô hình phát triển về nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, thủy sản và phát triển nông thôn trên địa bàn thành phố; chịu trách nhiệm thực hiện các chương trình, dự án được giao.

11. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất của ngành nông nghiệp, ngành thủy sản và phát triển nông thôn trên địa bàn thành phố.

12. Thực hiện hợp tác quốc tế theo phân công của Ủy ban nhân dân thành phố và quy định của pháp luật.

13. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các dịch vụ công trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, thủy sản và phát triển nông thôn của thành phố; chịu trách nhiệm về các dịch vụ công do Sở tổ chức thực hiện.

14. Cấp và thu hồi các loại giấy phép trong hoạt động nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, thủy sản và phát triển nông thôn theo quy định của pháp luật.

15. Thực hiện công tác thanh tra; giải quyết khiếu nại, tố cáo, chống tham nhũng, tiêu cực và xử lý vi phạm pháp luật về nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, thủy sản và phát triển nông thôn trong phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

16. Thực hiện nhiệm vụ thường trực của Ban chỉ huy phòng, chống lụt, bão, giảm nhẹ thiên tai, tìm kiếm cứu nạn; Ban chỉ đạo phòng cháy, chữa cháy rừng của thành phố theo quy định của pháp luật; tham gia khắc phục hậu quả thiên tai về bão, lũ, lụt, hạn hán, úng ngập, chua phèn, xâm ngập mặn, sạt lở, dịch bệnh trong sản xuất lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, ngư nghiệp, thủy lợi và phát triển nông thôn trên địa bàn thành phố.

17. Chỉ đạo và tổ chức thực hiện chương trình cải cách hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Sở sau khi được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

18. Hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ trong quản lý ngành nông nghiệp, thủy sản và phát triển nông thôn đối với quận, huyện.

19. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; thực hiện chế độ tiền lương và các chính sách đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức của Sở theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố.

20. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, cán bộ xã, phường, thị trấn làm công tác quản lý về nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, thủy sản và phát triển nông thôn thuộc phạm vi quản lý của Sở theo thẩm quyền.

21. Báo cáo định kỳ và đột xuất tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao.

22. Quản lý tài chính, tài sản của Sở theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố.

23. Thực hiện quản lý Nhà nước đối với các hội hoạt động thuộc lĩnh vực chuyên ngành của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố phụ trách.

24. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật hoặc do Ủy ban nhân dân thành phố giao.

**Điều 4.** Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố có quyền hạn:

1. Xây dựng và ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện quy định của Nhà nước về lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, thủy sản và phát triển nông thôn.

2. Kiểm tra, thanh tra đối với các đơn vị kinh tế trên địa bàn thành phố trong việc chấp hành các quy định của pháp luật, chính sách của Nhà nước thuộc lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản và phát triển nông thôn.

3. Cấp và thu hồi các giấy phép, xử lý các vi phạm thuộc các lĩnh vực được giao quản lý theo quy định của pháp luật.

4. Tổ chức thẩm định hồ sơ và quản lý các dự án đầu tư xây dựng công trình chuyên ngành theo phân cấp của thành phố.

5. Được quyền yêu cầu các sở - ngành, quận - huyện, các tổ chức thuộc hệ thống ngành dọc, các đơn vị kinh tế cơ sở của ngành (kể cả của Trung ương đóng trên địa bàn thành phố) cung cấp số liệu, các báo cáo cần thiết, liên quan đến công tác quy hoạch, tổng hợp kế hoạch toàn ngành; tình hình thực hiện các chế độ chính sách quản lý ngành của Nhà nước và của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành.

6. Được mời các sở - ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân quận - huyện, các đơn vị kinh tế cơ sở (kể cả của Trung ương đóng trên địa bàn thành phố) dự họp bàn các vấn đề cần thiết theo đúng chức năng của Sở.

### **Chương III**

## **TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC**

**Điều 5.** Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn do một Giám đốc phụ trách và Giám đốc Sở chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố và trước pháp luật; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có các phó Giám đốc phụ trách từng lĩnh vực công tác của Sở theo sự phân công của Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về nhiệm vụ được phân công.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc, Phó Giám đốc Sở theo quy định của pháp luật hiện hành.

Các chức danh khác của Sở thực hiện theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức của Ủy ban nhân dân thành phố.

**Điều 6.** Cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố bao gồm :

1. Ban Giám đốc Sở : Giám đốc và các Phó Giám đốc.
2. Các Phòng, Ban chuyên môn nghiệp vụ.
3. Các tổ chức quản lý Nhà nước chuyên ngành :
  - a) Chi cục Quản lý chất lượng và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản.
  - b) Chi cục Kiểm lâm.
  - c) Chi cục Bảo vệ thực vật.
  - d) Chi cục Thủy lợi và phòng chống lụt bão.
  - đ. Chi cục Phát triển nông thôn.
  - e) Chi cục Lâm nghiệp (đổi tên Chi cục phát triển lâm nghiệp).
  - g) Chi cục Thú y.
4. Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở:
  - a) Trung tâm Công nghệ sinh học.
  - b) Trung tâm Khuyến nông (đổi tên Trung tâm Nghiên cứu Khoa học kỹ thuật và khuyến nông).
  - c) Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp.
  - d) Trung tâm Quản lý và kiểm định giống cây trồng vật nuôi.
  - đ) Trung tâm Nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn.

- e) Ban Quản lý Trung tâm thủy sản.
- g) Ban Quản lý dự án đầu tư - xây dựng công trình.
- h) Trường Trung học kỹ thuật nông nghiệp.

5. Công ty Nhà nước thực hiện nhiệm vụ công ích:

Công ty Quản lý khai thác và dịch vụ thủy lợi.

6. Theo yêu cầu nhiệm vụ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định thành lập mới, chia tách, sáp nhập, giải thể các phòng ban chuyên môn của Sở sau khi có ý kiến thỏa thuận của Giám đốc Sở Nội vụ. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phân công và quy định chức năng, nhiệm vụ các phòng ban chuyên môn của Sở; ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố.

7. Theo yêu cầu công tác của từng thời kỳ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét việc thành lập mới hoặc sáp nhập, giải thể các đơn vị sự nghiệp, Chi cục trực thuộc Sở theo quy định của pháp luật.

8. Biên chế của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố giao trong tổng số chỉ tiêu biên chế hành chính, sự nghiệp của thành phố.

## **Chương IV**

### **CÁC MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC**

**Điều 7.** Đối với Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố:

1. Giám đốc Sở có trách nhiệm báo cáo, trình bày hoặc cung cấp tài liệu cần thiết cho Hội đồng nhân dân thành phố, trả lời các chất vấn, kiến nghị của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố những vấn đề liên quan đến lĩnh vực quản lý Nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Giám đốc Sở báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố tình hình và kết quả tổ chức hoạt động của ngành; dự các cuộc họp do Ủy ban nhân dân thành phố triệu tập; tổ chức và kiểm tra việc thực hiện các quyết định và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố đối với lĩnh vực Sở được phân công phụ trách.

3. Giám đốc Sở báo cáo, xin chỉ thị của Ủy ban nhân dân thành phố để giải quyết những vấn đề vượt quá thẩm quyền; không được chuyển các vấn đề thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở lên Ủy ban nhân dân thành phố.



Đối với những vấn đề đang bàn giữa Sở với các Sở - ngành khác và Ủy ban nhân dân quận - huyện nhưng chưa có sự nhất trí thì Sở phải báo cáo đầy đủ các ý kiến đóng góp và ý kiến, quan điểm của Sở để Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

**Điều 8.** Đối với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thủy sản:

1. Sở chịu trách nhiệm thực hiện đầy đủ sự chỉ đạo, hướng dẫn về nghiệp vụ, chuyên môn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Thủy sản; đảm bảo sự thống nhất của ngành, lĩnh vực trong cả nước và sự phân cấp quản lý của Trung ương. Sở có trách nhiệm báo cáo tình hình hoạt động và kế hoạch định kỳ hoặc đột xuất theo quy định của Bộ. Tham gia đầy đủ các cuộc hội nghị do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Thủy sản triệu tập.

2. Khi tiếp nhận chủ trương lớn của Bộ, Giám đốc Sở phải báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố để triển khai thực hiện. Các chủ trương lớn của Ủy ban nhân dân thành phố có liên quan đến nghiệp vụ quản lý ngành, Giám đốc Sở phải báo cáo lên Bộ để Bộ có hướng dẫn chỉ đạo về mặt chuyên môn nghiệp vụ.

3. Khi chỉ đạo hoặc hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của các Bộ chưa thống nhất với chủ trương của Ủy ban nhân dân thành phố hoặc những chủ trương quyết định của Bộ, Sở xét thấy không phù hợp với tình hình thực tiễn của thành phố, Giám đốc Sở phải kịp thời báo cáo và đề xuất để Ủy ban nhân dân làm việc với Bộ trưởng, hoặc kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định.

**Điều 9.** Đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban thành phố:

Quan hệ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với các cơ quan chuyên môn thành phố thực hiện theo nguyên tắc phối hợp công việc nhằm hoàn thành nhiệm vụ chung và nhiệm vụ riêng của từng cơ quan. Khi giải quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhưng có liên quan đến các cơ quan chuyên môn khác thì Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải trao đổi và lấy ý kiến bằng văn bản đối với cơ quan chuyên môn đó. Giám đốc các Sở ngành được hỏi ý kiến có trách nhiệm nghiên cứu trả lời trong thời gian quy định.

**Điều 10.** Đối với Ủy ban nhân dân các quận - huyện:

1. Hướng dẫn, phối hợp và tạo điều kiện để Ủy ban nhân dân các quận - huyện thực hiện các nội dung quản lý Nhà nước về nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, thủy sản và phát triển nông thôn trên địa bàn.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn các quận - huyện về chuyên môn, nghiệp vụ của ngành, lĩnh vực công tác do Sở quản lý.

**Điều 11.** Đối với các tổ chức Đoàn thể chính trị, chính trị xã hội, xã hội nghề nghiệp:

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm phối hợp với các tổ chức Đoàn thể trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của Sở và thực hiện quản lý Nhà nước đối với các hội quần chúng hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản; tạo điều kiện cho các tổ chức Đoàn thể và hội quần chúng tham gia ý kiến trong việc xây dựng chính sách, chế độ có liên quan đến lĩnh vực công tác của Sở.

2. Đối với những vấn đề lớn, có liên quan đến các tổ chức Đoàn thể, hội nghề nghiệp nào thì Giám đốc Sở mới tham gia hoặc hỏi ý kiến bằng văn bản với lãnh đạo của tổ chức, Đoàn thể, hội nghề nghiệp đó trước khi trình Ủy ban nhân dân thành phố.

## **Chương V**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 12.** Căn cứ vào Quy chế này, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm cụ thể hóa thành chương trình công tác, các mặt hoạt động của Sở, tổ chức các Phòng và bố trí cán bộ, công chức, viên chức phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của ngành, xây dựng quy chế làm việc của cơ quan Sở, đảm bảo phát huy hiệu lực và hiệu quả quản lý Nhà nước về nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, thủy sản và phát triển nông thôn trên địa bàn thành phố.

**Điều 13.** Quy chế này được Ủy ban nhân dân thành phố bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với tình hình thực tế theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH/THƯỜNG TRỰC**

**Nguyễn Thiện Nhân**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 91/2006/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 6 năm 2006

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về sửa đổi, bổ sung quy định điều kiện cho đối tượng có thu nhập thấp vay tiền  
tại Quỹ Phát triển nhà ở thành phố để tạo lập nhà ở**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 3823/QĐ-UB, ngày 04 tháng 8 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về thành lập Quỹ Phát triển nhà ở thành phố;

Căn cứ Quyết định số 128/2005/QĐ-UBND, ngày 26 tháng 7 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển nhà ở thành phố;

Căn cứ Quyết định số 3891/QĐ-UBND, ngày 05 tháng 8 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố; Công văn số 5213/UBND-ĐT, ngày 24 tháng 8 năm 2005 về quy định điều kiện, thẩm định hồ sơ, đối tượng có thu nhập thấp vay tiền tại Quỹ Phát triển nhà ở thành phố để tạo lập nhà ở;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Phát triển nhà ở thành phố tại Tờ trình số 94/QPTNO-TT, ngày 14 tháng 6 năm 2006,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung điều kiện về nhà ở và hạn mức vốn vay, thời hạn vay cho đối tượng có thu nhập thấp vay tiền tại Quỹ Phát triển nhà ở thành phố để tạo lập nhà ở như sau:

1. Bãi bỏ điều kiện về diện tích bình quân nhà ở đang ở nhờ của người có thu nhập thấp nêu tại Điều 1, điểm 2, mục a, Quyết định số 3891/QĐ-UBND, ngày 05 tháng 8 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Hạn mức vốn vay trong năm 2006 được sửa đổi cho một hồ sơ cá nhân tối đa là 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng.

3. Thời hạn cho vay tối đa là 15 (mười lăm) năm.

4. Lãi suất tiền vay hàng năm tính theo nguyên tắc :

4.1. Bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau của 04 ngân hàng thương mại quốc doanh trên địa bàn thành phố cộng với phí quản lý 1,5%/năm; ngân sách hỗ trợ lãi suất 3%/năm;

4.2. Căn cứ nguyên tắc này, Quỹ Phát triển nhà ở thành phố báo cáo Hội đồng quản lý xem xét, điều chỉnh mức lãi suất cho vay hàng năm theo quy định;

4.3. Lãi suất cho vay đối với người có thu nhập thấp năm 2006 là 9,9%/năm, trong đó ngân sách hỗ trợ 3% và người có thu nhập thấp phải trả là 6,9%. Mức lãi suất này được áp dụng từ ngày 01 tháng 7 năm 2006.

4.4. Quỹ Phát triển nhà ở thành phố được hạch toán thu nhập năm 2006 theo mức lãi suất 9,9%/năm.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký. Hạn mức vốn vay và thời hạn vay nêu tại Điều 1, Quyết định này không áp dụng đối với trường hợp đối tượng đã được giải quyết hồ sơ vay trước ngày Quyết định này có hiệu lực.

Các nội dung không đề cập tại Quyết định này vẫn giữ nguyên theo Quyết định số 3891/QĐ-UBND, ngày 05 tháng 8 năm 2005; Công văn số 5213/UBND-ĐT ngày 24 tháng 8 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ Phát triển nhà ở thành phố, Giám đốc Quỹ Phát triển nhà ở thành phố, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Cục trưởng Cục Thuế thành phố, Giám đốc Kho bạc Nhà nước thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Đua**

**QUẬN 8****ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN 8****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 21/2006/QĐ-UBND

*Quận 8, ngày 20 tháng 6 năm 2006***QUYẾT ĐỊNH****Về việc điều chỉnh chỉ tiêu thu Quỹ phòng, chống lụt bão  
đối với công dân năm 2006****ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 50/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 1997 của Chính phủ ban hành Quy chế thành lập và hoạt động của Quỹ phòng, chống lụt bão địa phương;

Căn cứ Quyết định số 485/QĐ-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về quy định giá lúa tính thuế sử dụng đất nông nghiệp và thuế nhà đất năm 2006;

Căn cứ Quyết định số 43/2006/QĐ-UBND ngày 17 tháng 3 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về giao chỉ tiêu thu nộp Quỹ phòng, chống lụt, bão đối với công dân trên địa bàn thành phố năm 2006;

Căn cứ Chỉ thị số 18/2006/CT-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định về công tác phòng, chống lụt bão, giảm nhẹ thiên tai - tìm kiếm cứu nạn tại thành phố Hồ Chí Minh năm 2006;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tài chính Kế hoạch quận 8 và Trưởng Phòng Kinh tế quận 8 - Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống lụt bão quận 8,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay điều chỉnh chỉ tiêu thu Quỹ phòng, chống lụt bão năm 2006 đối với công dân cư trú trên địa bàn 16 phường quận 8: 325.128.000 đồng (đính kèm phụ lục 2).

**Điều 2.** Đối tượng và mức đóng góp Quỹ phòng, chống lụt bão năm 2006:

**2.1.** Công dân: nam từ đủ 18 tuổi đến hết 60 tuổi, nữ từ đủ 18 đến hết 55 tuổi có trách nhiệm đóng góp vào Quỹ phòng chống lụt bão địa phương.

**2.2.** Mức đóng góp: đối với thành viên hộ nông nghiệp: 1.500 đồng/người /năm; thành viên các đối tượng khác: 3.000 đồng/người/năm.

**Điều 3.** Các trường hợp miễn giảm đóng góp Quỹ phòng, chống lụt bão thực hiện theo quy định tại điều 7 chương II, Quy chế thành lập và hoạt động Quỹ phòng chống lụt bão địa phương, ban hành kèm theo Nghị định số 50/NĐ-CP ngày 10/5/0997 của Chính phủ, bao gồm:

**3.1.** Thương binh, bệnh binh và những người được hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh;

**3.2.** Cha, mẹ, vợ hoặc chồng của liệt sĩ;

**3.3.** Quân nhân làm nghĩa vụ trong lực lượng vũ trang đang hưởng phụ cấp sinh hoạt phí;

**3.4.** Sinh viên học sinh đang theo học tập trung dài hạn trong các trường đại học, cao đẳng, trung học và dạy nghề;

**3.5.** Người bị suy giảm khả năng lao động từ 21% trở lên;

**3.6.** Các thành viên hộ gia đình ở vùng bị thiên tai mất mùa và hộ gia đình nghèo đang hưởng trợ cấp của quỹ xóa đói giảm nghèo, hộ gia đình ở vùng rất khó khăn thuộc diện miễn nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp.

**Điều 4.** Trách nhiệm thu - nộp, phân bổ và quản lý Quỹ phòng chống lụt bão:

**4.1.** Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường tổ chức triển khai thu - nộp Quỹ phòng, chống lụt bão đối với công dân trên địa bàn phường. Thời gian hoàn thành việc thu nộp Quỹ phòng chống lụt bão chậm nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2006, quyết toán chậm nhất vào ngày 31 tháng 3 năm 2007.

**4.2.** Tổng số tiền thu được, Ủy ban nhân dân phường thực hiện như sau:

- Trích 5% trên tổng số thu để trả thù lao cho người, đơn vị trực tiếp đi thu.

- Trích 95% trên tổng số thu đem nộp vào ngân sách quận theo số tài khoản 934.03.08.00004 tại Kho bạc Nhà nước quận 8.

**4.3.** Phần 95% Ủy ban nhân dân phường nộp ngân sách quận được quy thành 100%, giao Phòng Tài chính - Kế hoạch quận 8 làm thủ tục trích nộp 60% về tài

khoản Quỹ phòng chống lụt bão thành phố, số tài khoản: 946.02.00.00003 tại Kho bạc Nhà nước thành phố Hồ Chí Minh, đơn vị nhận là Chi cục Thủy lợi và Phòng chống lụt bão và 40% vào tài khoản Quỹ phòng chống lụt bão quận 8.

**Điều 5.** Phân công trách nhiệm phối hợp:

**5.1.** Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường chịu trách nhiệm thu đúng, thu đủ, thông báo công khai cho công dân thuộc đối tượng đóng góp Quỹ phòng chống lụt bão địa phương biết, tổ chức xem xét, thống kê, báo cáo các trường hợp miễn giảm theo quy định cho Phòng Kinh tế - Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão quận 8, tổ chức thực hiện chế độ kế toán, thông tin báo cáo theo quy định.

**5.2.** Giao Phòng Kinh tế quận 8 - Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão quận 8 - phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch quận 8, Kho bạc Nhà nước quận 8 kiểm tra, đôn đốc, báo cáo kết quả thu - nộp, quản lý và sử dụng Quỹ phòng, chống lụt bão đối với công dân về Văn phòng Thường trực Ban chỉ huy Phòng chống lụt bão thành phố.

**5.3.** Giao thành viên Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão quận 8 được phân công phụ trách phường về công tác phòng, chống lụt bão tiến hành kiểm tra, đôn đốc tình hình thu - nộp và sử dụng Quỹ phòng, chống lụt bão đối với công dân trên địa bàn phường đúng theo quy định hiện hành của nhà nước.

**5.4.** Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch quận 8 hướng dẫn, theo dõi, quản lý, kiểm tra tình hình thu - nộp và sử dụng Quỹ phòng, chống lụt bão đối với công dân các phường, định kỳ báo cáo cho Ủy ban nhân dân quận 8 và các ngành liên quan, thực hiện trích nộp đầy đủ theo quy định.

**Điều 6.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận 8, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch quận 8, Giám đốc Kho bạc Nhà nước quận 8, Trưởng Phòng Kinh tế quận 8 - Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão quận 8 và các thành viên, Chủ tịch ủy ban nhân dân 16 phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Đô Lương**

**CHỈ TIÊU ĐIỀU CHỈNH VỀ THU QUỸ PHÒNG CHỐNG LỤT BẢO ĐỐI VỚI CÔNG DÂN NĂM 2006**

ĐVT: 1.000đ

Chi tiêu	Tổng số dân	Số đối tượng trong độ tuổi lao động			Số đối tượng được miễn giảm theo quy định			Số đối tượng phải nộp quỹ theo quy định			Chỉ tiêu thu đối với công dân đã giao đầu năm 2006	Chỉ tiêu điều chỉnh về thu Quỹ phòng, chống lụt bão đối với công dân năm 2006		
		Thành viên hộ nông nghiệp	Đối tượng khác	Tổng số	Thành viên hộ nông nghiệp	Đối tượng khác	Tổng số	Thành viên hộ nông nghiệp	Đối tượng khác	Tổng số		Thành viên hộ nông nghiệp	Đối tượng khác	Tổng số
1	2	3	4	5=3+4	6	7	8=6+7	9=3-6	10=4-7	11=9+10	12	13	14	15=13+14
<b>Tổng số</b>	<b>369.203</b>	<b>5.492</b>	<b>152.853</b>	<b>152.853</b>	<b>2.076</b>	<b>46.185</b>	<b>48.261</b>	<b>3.416</b>	<b>106.668</b>	<b>110.084</b>	<b>267.843</b>	<b>5.124</b>	<b>320.004</b>	<b>325.128</b>
Phường 01	24.944		12.330	12.330		4.353	4.353		7.977	7.977	23.931		23.931	23.931
Phường 02	23.373		11.616	11.616		1.816	1.816		9.800	9.800	26.577		29.400	29.400
Phường 03	25.590		14.768	14.768		4.918	4.918		9.850	9.850	23.550		29.550	29.550
Phường 04	37.432		12.500	12.500		4.500	4.500		8.000	8.000	24.000		24.000	24.000
Phường 05	38.374		11.191	11.191		2.744	2.744		8.447	8.447	25.341		25.341	25.341
Phường 06	28.982	241	7.730	7.730		2.291	2.291	241	5.439	5.680	13.679	362	16.317	16.679
Phường 07	22.721	4.951	6.483	6.483	1.990	2.122	4.112	2.961	4.361	7.322	17.525	4.442	13.083	17.525
Phường 08	10.815		6.458	6.458		2.585	2.585		3.873	3.873	11.619		11.619	11.619
Phường 09	21.541		10.264	10.264		2.285	2.285		7.979	7.979	6.600		23.937	23.937
Phường 10	21.909		6.417	6.417		.851	.851		5.566	5.566	11.490		16.698	16.698
Phường 11	10.032		5.398	5.398		2.143	2.143		3.255	3.255	9.765		9.765	9.765
Phường 12	18.966		10.990	10.990		3.260	3.260		7.730	7.730	12.825		23.190	23.190
Phường 13	9.800		5.348	5.348		2.140	2.140		3.208	3.208	9.624		9.624	9.624
Phường 14	21.236		8.650	8.650		2.127	2.127		6.523	6.523	19.569		19.569	19.569
Phường 15	30.308	300	14.660	14.660	86	6.900	6.986	214	7.760	7.974	14.628	321	23.280	23.601
Phường 16	23.180		8.050	8.050		1.150	1.150		6.900	6.900	17.121		20.700	20.700

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8



**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**QUẬN 8**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 22/2006/QĐ-UBND

*Quận 8, ngày 20 tháng 6 năm 2006*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về giao chỉ tiêu thu Quỹ phòng, chống lụt bão đối với doanh nghiệp  
trên địa bàn quận 8 năm 2006**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 50/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 1997 của Chính phủ ban hành Quy chế thành lập và hoạt động của Quỹ phòng, chống lụt bão địa phương;

Căn cứ Quyết định số 76/2006/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về giao chỉ tiêu thu nộp Quỹ phòng, chống lụt, bão đối với các doanh nghiệp đóng trên địa bàn thành phố năm 2006;

Căn cứ Chỉ thị số 18/2006/CT-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2006 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định về công tác phòng, chống lụt bão, giảm nhẹ thiên tai - tìm kiếm cứu nạn tại thành phố Hồ Chí Minh năm 2006;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch quận 8 và Trưởng Phòng Kinh tế quận 8 - Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống lụt bão quận 8,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay giao chỉ tiêu cho Ủy ban nhân dân 16 phường quận 8 thu Quỹ phòng, chống lụt bão năm 2006 đối với các doanh nghiệp (thuộc loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn vốn trong nước, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã): 264.259.000 đồng (đính kèm danh sách doanh nghiệp đóng góp Quỹ phòng chống lụt bão năm 2006).

**Điều 2.** Các doanh nghiệp nêu tại Điều 1 có trách nhiệm nộp (2/10000) trên tổng số vốn sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhưng không quá 5.000.000 đồng và

được hạch toán vào giá thành sản phẩm hoặc phí lưu thông để nộp vào Quỹ phòng, chống lụt bão quận 8 và thành phố Hồ Chí Minh (theo mục 2, Điều 9 của Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 50/CP-NP ngày 10 tháng 5 năm 1997 của Chính Phủ).

**Điều 3.** Các trường hợp miễn giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ phòng, chống lụt bão thực hiện theo quy định tại mục g, khoản 1 và mục b khoản 2, điều 7, chương II, Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 50/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 1997 của Chính phủ, bao gồm:

**3.1.** Các đối tượng được miễn đóng góp: các doanh nghiệp công ích và các hợp tác xã nông nghiệp.

**3.2.** Các đối tượng được tạm hoãn đóng góp: gồm các doanh nghiệp và tổ chức kinh tế được miễn, giảm thuế doanh thu (nay là thuế giá trị gia tăng). Thực hiện theo Văn bản hướng dẫn số 427/PCLB ngày 19 tháng 9 năm 2001 của Cục phòng chống lụt bão và quản lý đô thị (nay là Cục Quản lý đô thị và Phòng chống lụt bão) và Văn bản số 4590/UB-CNN ngày 14 tháng 12 năm 2001 của Ủy ban nhân dân thành phố.

**3.3.** Các doanh nghiệp bị thua lỗ trong quá trình hoạt động kinh doanh xin điều chỉnh giảm chỉ tiêu nộp Quỹ phòng, chống lụt bão thì phải nộp báo cáo tài chính năm có kiểm toán cho Ủy ban nhân dân phường báo cáo Phòng Kinh tế quận 8 - Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão quận 8 - tổng hợp, tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân quận 8 đề nghị Cục Thuế thành phố xem xét, quyết định.

**Điều 4.** Các trường hợp doanh nghiệp xin điều chỉnh mức thu và tạm hoãn đóng góp Quỹ phòng, chống lụt bão do bị thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ, doanh nghiệp được cấp bù vốn hoạt động từ ngân sách, doanh nghiệp đã điều chỉnh (tăng-giảm) vốn sản xuất kinh doanh và các doanh nghiệp khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 8 xem xét quyết định trên cơ sở đề xuất của Trưởng Phòng Kinh tế quận 8 và ý kiến của Cục Thuế thành phố.

**Điều 5.** Trách nhiệm thu - nộp và phân bổ Quỹ phòng chống lụt bão

**5.1.** Giao Ủy ban nhân dân phường tổ chức thu - nộp Quỹ phòng, chống lụt bão của các doanh nghiệp đóng trên địa bàn phường, thực hiện chế độ kế toán - thống kê, báo cáo tình hình thu - nộp Quỹ phòng chống lụt bão kỳ hàng tháng, báo cáo quyết toán năm 2006 với Phòng Tài chính - Kế hoạch quận 8. Thời gian thực hiện và hoàn thành việc thu - nộp chậm nhất ngày 31 tháng 12 năm 2006, báo cáo quyết toán năm chậm nhất ngày 31 tháng 3 năm 2007.

**5.2.** Tổng số tiền thu được, Ủy ban nhân dân phường phân bổ như sau:

- Trích 5% trên tổng số thu để trả thù lao cho người, đơn vị trực tiếp đi thu.
- Trích 95% trên tổng số thu đem nộp vào tài khoản ngân sách quận, số tài khoản: 934.03.08.00004 tại Kho bạc Nhà nước quận 8.

**5.3.** Phần 95% Ủy ban nhân dân phường nộp ngân sách quận được quy thành 100%, giao Phòng Tài chính - Kế hoạch quận 8 làm thủ tục trích nộp 60% về Quỹ phòng, chống lụt bão thành phố, số tài khoản: 942.90.00.00003 tại Kho bạc Nhà nước thành phố, đơn vị nhận: Chi cục Thủy lợi và Phòng chống lụt bão thành phố (thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố) và 40% vào Quỹ phòng chống lụt bão quận 8.

**Điều 6.** Phân công trách nhiệm phối hợp:

**6.1.** Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường chịu trách nhiệm thu đúng, thu đủ, thông báo công khai cho doanh nghiệp biết, tổ chức thực hiện chế độ kế toán, thông tin, báo cáo theo quy định. Trong quá trình tổ chức thực hiện, Ủy ban nhân dân phường có trách nhiệm rà soát, thống kê, lập danh sách các trường hợp không thu được (do giải thể, phá sản, chuyển đổi địa chỉ, không hoạt động thực tế, không thực hiện nghĩa vụ đóng góp) báo cáo Phòng Kinh tế quận 8 - Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão quận 8 tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân quận 8 xem xét, giải quyết.

**6.2.** Giao Phòng Kinh tế quận 8 - Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão quận 8 - phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch quận 8, Kho bạc Nhà nước quận 8 kiểm tra, đôn đốc, báo cáo kết quả thu - nộp, quản lý và sử dụng Quỹ phòng, chống lụt bão đối với doanh nghiệp về Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão thành phố, tổng hợp danh sách các doanh nghiệp không thu được, báo cáo về Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão thành phố xem xét đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố điều chỉnh chỉ tiêu giao.

**6.3.** Giao thành viên Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão quận 8 được phân công phụ trách công tác phòng chống lụt bão của phường tiến hành kiểm tra, đôn đốc tình hình thu - nộp và sử dụng Quỹ phòng, chống lụt bão đối với doanh nghiệp đóng trên địa bàn phường đúng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

**6.4.** Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch quận 8 hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra tình hình thu - nộp và sử dụng Quỹ phòng, chống lụt bão đối với doanh nghiệp, định kỳ báo cáo cho Ủy ban nhân dân quận 8 và các ngành liên quan, thực hiện trích nộp đầy đủ theo quy định.

**Điều 7.** Khen thưởng, xử lý vi phạm và xử phạt vi phạm hành chính:

**7.1.** Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc xây dựng, quản lý và đóng góp Quỹ phòng chống lụt bão được khen thưởng theo chế độ quy định của Nhà nước.

**7.2.** Doanh nghiệp không nộp hoặc không nộp đủ nghĩa vụ đóng góp Quỹ phòng, chống lụt bão theo quy định sẽ bị xử lý theo điều 17 của Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 50/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 1997 của Chính phủ và Quy định của Ủy ban nhân dân thành phố, cụ thể: sau ngày 15 tháng 11 năm 2005, Ủy ban nhân dân quận 8 sẽ đề nghị Ngân hàng cắt chuyển kinh phí từ tài khoản của doanh nghiệp không nộp hoặc không nộp đủ Quỹ vào tài khoản ngân sách của quận 8.

**7.3.** Người được giao nhiệm vụ thu - nộp, quản lý và sử dụng Quỹ phòng, chống lụt bão vi phạm các quy định của Nghị định số 50/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 1997 và các quy định khác liên quan thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

**7.4.** Về xử phạt vi phạm hành chính, thực hiện theo điều 17 Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 50/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 1997 của Chính phủ và các quy định khác có liên quan.

**Điều 8.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận 8, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch quận 8, Giám đốc Kho bạc Nhà nước quận 8, Trưởng Phòng Kinh tế quận 8 - Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão quận 8 và các thành viên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 16 phường, Giám đốc các doanh nghiệp ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Đô Lương**

Phụ lục 1

**CHỈ TIÊU THU NỘP PHÒNG CHỐNG LỤT BẢO ĐỐI VỚI CÔNG DÂN VÀ DOANH NGHIỆP NĂM 2006**

ĐVT: 1.000đ

Đơn vị	Chỉ tiêu thu đối với công dân đã giao đầu năm 2006	Chỉ tiêu UBND phường thu năm 2006			Chỉ tiêu UBND phường nộp quận năm 2006			Chỉ tiêu quận nộp thành phố năm 2006		
		Chỉ tiêu thu đối với công dân điều chỉnh	Chỉ tiêu thu đối với doanh nghiệp	Tổng số thu năm 2006	Chỉ tiêu nộp đối với công dân	Chỉ tiêu nộp đối với doanh nghiệp	Tổng số nộp năm 2006	Chỉ tiêu nộp đối với công dân	Chỉ tiêu nộp đối với doanh nghiệp	Tổng số nộp năm 2006
A	(1)	(2)	(3)	(4)=(2)+(3)	(5)=95%*(2)	(6)=95%*(3)	(7)=(5)+(6)	(8)=60%*(6)	(9)=60%*(6)	(10)=(8)+(9)
<b>Tổng số</b>	<b>267.843</b>	<b>325.128</b>	<b>264.259</b>	<b>589.387</b>	<b>308.872</b>	<b>251.046</b>	<b>559.918</b>	<b>185.323</b>	<b>150.628</b>	<b>335.951</b>
Phường 1	23.931	23.931	10.199	34.130	22.734	9.689	32.424	13.641	5.813	19.454
Phường 2	26.577	29.400	18.881	48.281	27.930	17.937	45.867	16.758	10.762	27.520
Phường 3	23.550	29.550	7.916	37.466	28.073	7.520	35.593	16.844	4.512	21.356
Phường 4	24.000	24.000	29.471	53.471	22.800	27.997	50.797	13.680	16.798	30.478
Phường 5	25.341	25.341	30.328	55.669	24.074	28.812	52.886	14.444	17.287	31.731
Phường 6	13.679	16.679	54.011	70.690	15.845	51.310	67.155	9.507	30.786	40.293
Phường 7	17.525	17.525	12.644	30.169	16.648	12.012	28.660	9.989	7.207	17.196
Phường 8	11.619	11.619	3.040	14.659	11.038	2.888	13.926	6.623	1.733	8.356
Phường 9	6.600	23.937	7.807	31.744	22.740	7.417	30.157	13.644	4.450	18.094
Phường 10	11.490	16.698	7.187	23.885	15.863	6.828	22.691	9.518	4.097	13.614
Phường 11	9.765	9.765	17.657	27.422	9.277	16.774	26.051	5.566	10.064	15.631
Phường 12	12.825	23.190	10.852	34.042	22.031	10.309	32.340	13.218	6.186	19.404
Phường 13	9.624	9.624	7.552	17.176	9.143	7.174	16.317	5.486	4.305	9.790
Phường 14	19.569	19.569	9.514	29.083	18.591	9.038	27.629	11.154	5.423	16.577
Phường 15	14.628	23.601	5.512	29.113	22.421	5.236	27.657	13.453	3.142	16.594
Phường 16	17.121	20.700	31.688	52.388	19.665	30.104	49.769	11.799	18.062	29.861

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8

**QUẬN BÌNH THẠNH****ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN BÌNH THẠNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2769/2006/QĐ-UBND

*Bình Thạnh, ngày 21 tháng 6 năm 2006***QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc điều chỉnh, bổ sung thành viên Hội đồng đền bù thiệt hại và giải phóng mặt bằng trong việc điều chỉnh, di chuyển nhà ở dân cư, vật kiến trúc và công trình kỹ thuật trong dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở cho người thu nhập thấp tại Phường 13 thuộc Công ty Dịch vụ Công ích quận Bình Thạnh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 ngày 11 tháng 2003;

Căn cứ Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 116/2004/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 1478/QĐ-UB ngày 08 tháng 4 năm 2002 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc giao đất cho Công ty quản lý nhà (nay là Công ty Dịch vụ Công ích quận Bình Thạnh) tại phường 13 quận Bình Thạnh để đầu tư xây dựng khu nhà ở;

Căn cứ Quyết định số 2189/QĐ-UB ngày 22 tháng 5 năm 2002 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc điều chỉnh, di chuyển các hộ dân cư, cơ quan, đơn vị, vật kiến trúc khác và đền bù trợ cấp thiệt hại, tái định cư trong dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở phường 13 quận Bình Thạnh;

Căn cứ văn bản chấp thuận dự án số 224/KHĐT-XD ngày 15 tháng 8 năm 2001 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố;

Căn cứ Quyết định số 5242/QĐ-UB ngày 02 tháng 12 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc sáp nhập Công ty công trình đô thị quận Bình Thạnh vào Công ty quản lý nhà quận Bình Thạnh và đổi tên thành Công ty Dịch vụ Công ích quận Bình Thạnh;

Căn cứ Quyết định số 2922/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2005 của Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh về việc điều chỉnh, bổ sung thành viên Hội đồng đền bù thiệt hại và giải phóng mặt bằng trong việc điều chỉnh, di chuyển nhà ở dân cư, vật kiến trúc và công trình kỹ thuật trong dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở cho người thu nhập thấp tại phường 13 thuộc Công ty Dịch vụ Công ích quận Bình Thạnh;

Xét Công văn số 180/DVCI ngày 07 tháng 6 năm 2006 của Giám đốc Công ty Dịch vụ Công ích quận Bình Thạnh về việc thay đổi thành viên Hội đồng đền bù thiệt hại và giải phóng mặt bằng trong dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở tại phường 13 quận Bình Thạnh;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ quận Bình Thạnh,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay điều chỉnh, bổ sung thành viên Hội đồng đền bù thiệt hại và giải phóng mặt bằng trong việc điều chỉnh, di chuyển nhà ở dân cư, vật kiến trúc và công trình kỹ thuật trong dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở cho người thu nhập thấp tại phường 13 thuộc Công ty Dịch vụ Công ích quận Bình Thạnh gồm các ông (bà) có tên như sau:

1. Ông Lê Nghi Em - Cán bộ Ban QLDA KDC Bình Hòa - Tổ phó
2. Ông Dương Hồng Nghĩa - Cán bộ địa chính XD phường 13 - Tổ viên  
thay ông Đặng Minh Nguyên
3. Bà Lưu Kim Ngọc - Chuyên viên VP HĐND-UBND quận - Tổ viên

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 7 ngày kể từ ngày ký, các nội dung còn lại của Quyết định số 2922/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2005 của Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh vẫn được giữ nguyên.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Nội vụ, Giám đốc Công ty Dịch vụ Công ích quận Bình Thạnh, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và các thành viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Quốc Hùng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN BÌNH THẠNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 2771 /2006/QĐ-UBND

*Bình Thạnh, ngày 21 tháng 6 năm 2006*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc thành lập Bộ phận Thường trực thực hiện Nghị quyết liên tịch số 01/2005/NQLT-BLĐTBXH-BCA-BVHTT-UBTUMTTQ ngày 17 tháng 11 năm 2005 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Công An - Bộ Văn hóa - Thông tin - Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tại quận Bình Thạnh**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết liên tịch số 01/2005/NQLT-BLĐ TBXH-BCA-BVHTT-UBTUMTTQVN ngày 17 tháng 11 năm 2005 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Công An - Bộ Văn hóa - Thông tin - Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quy định và hướng dẫn nội dung hoạt động, phân loại và đánh giá công tác xây dựng xã, phường, thị trấn lành mạnh không có tệ nạn ma túy, mại dâm;

Căn cứ Quyết định số 455/2006/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh về việc thành lập Bộ phận Thường trực thực hiện Nghị quyết liên tịch 546/2003/ NQLT ngày 27 tháng 02 năm 2003 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Văn hóa - Thông tin - Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam quận Bình Thạnh;

Xét Tờ trình số 42/TTr-LĐTBXH ngày 12 tháng 5 năm 2006 của Trưởng Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội về việc đề nghị ra Quyết định bổ sung thành viên và thay thế Quyết định số 455/2006/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2006 về việc thành lập Bộ phận thường trực 546 quận Bình Thạnh;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ quận Bình Thạnh,



**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay thành lập Bộ phận Thường trực thực hiện Nghị quyết liên tịch số 01/2005/NQLT - BLĐT BXH - BCA - BVHTT - UBTU'MTTQVN ngày 17 tháng 11 năm 2005 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Công An - Bộ Văn hoá - Thông tin - Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (gọi tắt Bộ phận Thường trực 01) tại quận Bình Thạnh như sau:

**- Bộ phận thường trực:**

- 1- Bà **Phan Thị Nguyệt** - Phó trưởng Phòng LD-TB-XH - Trưởng bộ phận
- 2- Ông **Phan Hồng Khanh** - Phó trưởng Công An quận - Thành viên
- 3- Ông **Võ Minh Hoàng** - Phó trưởng Phòng VH-TT-TT - Thành viên

Mời đại diện lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc quận Bình Thạnh tham gia vào Bộ phận Thường trực thực hiện Nghị quyết liên tịch số 01/2005/NQLT-BLĐT BXH-BCA-BVHTT-UBTU'MTTQVN tại quận Bình Thạnh:

- 1- Ông **Trương Quốc Hùng** - Ủy viên thường trực UB.MTTQ - Thành viên

**- Tổ giúp việc :**

- Tổ giúp việc có trách nhiệm tham mưu giúp việc cho Ban lãnh đạo thực hiện Nghị quyết liên tịch số 01/2005/NQLT gồm các thành viên có tên như sau:

- 1 - Ông **Đình Văn Sáu** - Cán bộ Phòng LD-TB-XH - Tổ trưởng
- 2 - Ông **Phạm Văn Tuấn** - Phó trưởng Đội TMTH - Thành viên
- 3 - Ông **Nguyễn Ngọc Khanh** - Cán bộ Phòng LD-TB-XH - Thành viên
- 4 - Ông **Nguyễn Kim Thanh** - Cán bộ Phòng VH-TT-TT - Thành viên

**Điều 2.** Bộ phận thường trực thực hiện Nghị quyết liên tịch 01/2005/NQLT có nhiệm vụ:

Giúp Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh chỉ đạo điều hành tổ chức thực hiện những công tác sau:

**2.1** - Hàng năm xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện Nghị quyết liên tịch số 01/2005/NQLT và thực hiện đánh giá phân loại phường, xã lành mạnh không có tệ nạn mại dâm, ma túy dựa trên cơ sở các chỉ tiêu phân loại, đánh giá phường, xã lành mạnh không có tệ nạn mại dâm, ma túy của Nghị quyết liên tịch 01/2005/NQLT áp

dụng phù hợp với tình hình thực tế trên địa bàn quận Bình Thạnh gắn với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”.

**2.2** - Hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc các ngành, các phường trong việc xây dựng chương trình, kế hoạch phối hợp hoạt động cụ thể về công tác phòng chống tệ nạn mại dâm, ma túy trên địa bàn quận Bình Thạnh.

**2.3** - Tham mưu đề xuất kế hoạch hoạt động tháng, quý, năm; tổng hợp báo cáo tình hình kết quả công tác thực hiện, dự trù kinh phí hoạt động và các công tác khác được Thường trực Ủy ban nhân dân quận phân công.

**2.4** - Định kỳ giao ban hàng tháng, tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá, chấm điểm rút kinh nghiệm, báo cáo kết quả về Bộ phận thường trực 01 Thành phố và Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh, kịp thời đề xuất ý kiến với Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 ngày kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 455/2006/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2006 và Quyết định số 2553/2006/QĐ-UBND ngày 12 tháng 06 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Nội vụ, Trưởng Công An quận, Trưởng Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội, Trưởng Phòng Văn hoá-Thông tin và Thể thao, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và thành viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này ./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Quốc Hùng**

**QUẬN GÒ VẤP****ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN GÒ VẤP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 22/2006/QĐ-UBND

*Gò Vấp, ngày 09 tháng 6 năm 2006***QUYẾT ĐỊNH****Về ban hành Quy chế đánh giá, xét Khen thưởng  
thực hiện phong trào Thi đua yêu nước****ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 121/2005/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Hướng dẫn số 56/HD-BTĐKTTW ngày 12 tháng 01 năm 2006 của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 121/2005/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Xét Báo cáo số 99/BC-PTP ngày 01 tháng 6 năm 2006 của Phòng Tư pháp về thẩm định nội dung Quy chế đánh giá, xét thực hiện phong trào Thi đua yêu nước và theo đề nghị của Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận tại Tờ trình số 10/TTr-VP ngày 09 tháng 6 năm 2006,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đánh giá, xét khen thưởng thực hiện phong trào Thi đua yêu nước.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 7 (bảy) ngày kể từ ngày ký ban hành, bãi bỏ những quy định trước đây về Thi đua, Khen thưởng của Ủy ban nhân dân quận trái với nội dung Quy chế này.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận, Thủ trưởng các ban ngành, đoàn thể, đơn vị thuộc quận, Hội đồng Thi đua, Khen thưởng quận và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 12 phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Trương Văn Non**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN GÒ VẤP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

**Đánh giá, xét khen thưởng thực hiện phong trào Thi đua yêu nước**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 22/2006/QĐ-UBND*

*Ngày 09 tháng 6 năm 2006 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp)*

### **Chương I**

#### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định nội dung đánh giá phong trào Thi đua, thủ tục, hồ sơ công tác khen thưởng hàng năm của các cơ quan, đơn vị và cán bộ công chức, công nhân viên chức, lực lượng vũ trang thuộc Quận.

##### **Điều 2. Đối tượng và phạm vi áp dụng**

Đối tượng xét đánh giá và đề nghị xếp loại thi đua: các cơ quan đơn vị và cán bộ công chức đang công tác tại các cơ quan, đơn vị là các tổ chức Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, các phòng ban chuyên môn, đơn vị sự nghiệp, lực lượng vũ trang, doanh nghiệp trực thuộc Quận và Ủy ban nhân dân các phường.

##### **Điều 3. Nguyên tắc thi đua**

Thi đua thực hiện trên nguyên tắc tự nguyện, tự giác, công khai; đảm bảo tinh thần đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển. Việc xét tặng các danh hiệu thi đua phải căn cứ vào phong trào Thi đua, mọi cá nhân, tập thể tham gia phong trào Thi đua đều phải có đăng ký thi đua, xác định mục tiêu, chỉ tiêu thi đua; không đăng ký thi đua sẽ không được xem xét, công nhận các danh hiệu thi đua.

Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ, chương trình công tác, các chỉ tiêu kế hoạch, đã được Quận ủy, Ủy ban nhân dân quận giao từ đầu năm (hoặc chỉ tiêu kế hoạch tự xây dựng từ đầu năm) và mức độ hoàn thành nhiệm vụ, các chỉ tiêu kế hoạch, chương trình công tác năm để báo cáo, đánh giá về phong trào Thi đua và chấm điểm, xếp hạng trong năm.

**Điều 4. Nguyên tắc khen thưởng**

Thực hiện khen thưởng trên nguyên tắc: chính xác, công khai, công bằng, kịp thời. Khen thưởng phải đảm bảo thành tích đến đâu, khen thưởng đến đó, không nhất thiết phải theo trình tự các hình thức khen thưởng mức thấp rồi mới được khen thưởng mức cao hơn; thành tích đạt được trong điều kiện khó khăn và có phạm vi ảnh hưởng càng lớn thì được xem xét, đề nghị khen thưởng với mức cao hơn; khen thưởng tập thể nhỏ và cá nhân là chính; chọn đơn vị dẫn đầu khối để xét đề nghị hình thức khen thưởng cấp cao.

Thủ Trưởng các cơ quan, đơn vị phát động, chỉ đạo phong trào Thi đua trong ngành, lĩnh vực, phạm vi địa phương, phạm vi cơ quan, tổ chức, đơn vị mình phụ trách.

**Điều 5. Chia Khối thi đua**

1. Khối phường;
2. Khối các ban xây dựng Đảng;
3. Khối Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể;
4. Khối phòng, ban trực thuộc Ủy ban nhân dân quận;
5. Khối doanh nghiệp và các đơn vị sự nghiệp có thu.

**Chương II****NỘI DUNG THI ĐUA****Điều 6. Nội dung tổ chức phong trào thi đua Khối phường****Nội dung 1: Kết quả thực hiện nhiệm vụ quản lý kinh tế:****1.1. Công tác quản lý Nhà nước trên lĩnh vực kinh tế:**

- Công tác quản lý các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn.
- Công tác quản lý, cấp phép loại hình kinh doanh nhà cho thuê ở.
- Kết quả thực hiện công tác quản lý các ngành nghề kinh doanh nhạy cảm dễ phát sinh tệ nạn xã hội theo quy hoạch đã được duyệt.

**1.2. Công tác thu ngân sách Nhà nước so với kế hoạch được giao và so với năm trước:**

- Thu thuế;

- Thu khác;
- Công tác quyết toán ngân sách;
- Tình hình thực hiện chống lãng phí, thực hành tiết kiệm trong sử dụng ngân sách.

### **Nội dung 2: Kết quả hoạt động quản lý đô thị:**

2.1. Công tác quản lý quy hoạch và thực hiện quy hoạch, gồm: quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000.

2.2. Kết quả quản lý về xây dựng: tình hình chấp hành pháp luật trong xây dựng tại địa phương (cấp giấy phép xây dựng, sửa chữa, tổng số diện tích xây dựng mới, tăng giảm so với năm trước). Hạn chế, ngăn chặn được tình hình xây dựng không phép, sai phép, phối hợp chặt chẽ với ban ngành, đoàn thể liên quan tổ chức tuyên truyền, thực hiện các quy định về quản lý xây dựng.

2.3. Kết quả thực hiện về công tác Tài nguyên - Môi trường.

2.4. Kết quả vận động nhân dân thực hiện đầu tư nâng cấp, mở rộng hẻm theo phân công quản lý; kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Quận lần thứ IX về mở rộng 20% hẻm dưới 2m.

2.5. Kết quả công tác quản lý vệ sinh môi trường: công tác khắc phục, ngăn chặn ô nhiễm môi trường, giải quyết vấn đề rác, phong trào Xanh - Sạch - Đẹp.

### **Nội dung 3: Kết quả chăm lo, phát triển đời sống văn hoá, xã hội:**

3.1. Tình hình thực hiện công tác giáo dục, gồm: tỉ lệ % huy động trẻ 05 tuổi ra lớp, tỉ lệ % huy động trẻ 06 tuổi vào lớp 1; kết quả phổ cập giáo dục bậc Trung học phổ thông; vấn đề xã hội hóa giáo dục, quản lý hành chính Nhà nước về giáo dục (công tác quản lý các cơ sở mầm non ngoài công lập . . .)

3.2. Tình hình thực hiện 10 chuẩn Quốc gia về Trạm y tế phường; Kết quả tiêm chủng mở rộng, phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em, công tác quản lý bệnh xã hội, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân. Công tác quản lý hành chính Nhà nước về hành nghề y dược tư nhân, vệ sinh an toàn thực phẩm.

3.3. Công tác dân số, gia đình và trẻ em bao gồm nội dung: thực hiện công tác quản lý dân số; thực hiện quyền trẻ em, chú ý đối tượng trẻ có hoàn cảnh đặc biệt. Tập trung giải quyết tình trạng trẻ em lang thang, trẻ bị xâm hại, trẻ nghiện ma túy và trẻ phạm pháp; kết quả thực hiện các biện pháp tránh thai hiện đại và công tác truyền thông sức khỏe sinh sản.

3.4. Tình hình xây dựng phát triển văn hóa cơ sở, gồm: xây dựng phong trào văn hóa, văn nghệ quần chúng, kết quả vận động xây dựng đời sống văn hóa trên địa bàn dân cư, thực hiện nếp sống văn minh đô thị. Công tác quản lý hành chính Nhà nước trên lĩnh vực Văn hóa Thông tin - Thể thao.

3.5. Hoạt động thể dục thể thao, rèn luyện sức khỏe về số lượng và chất lượng, vấn đề xã hội hóa thể dục thể thao, kết quả tổ chức, tham gia các hoạt động thể thao.

3.6. Về các mặt công tác xã hội, gồm: công tác chăm lo cho các đối tượng chính sách, xây dựng nhà tình thương; thực hiện các chỉ tiêu về giải quyết việc làm; kết quả thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo; chăm lo các đối tượng xã hội; công tác quản lý các cơ sở dịch vụ việc làm; kết quả thực hiện tiếp nhận và giải quyết việc làm cho người sau cai nghiện.

3.7. Công tác Bảo hiểm Xã hội, Bảo hiểm Y tế: kết quả thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội cho đối tượng chính sách, bảo hiểm y tế cho người nghèo, trẻ em...

#### **Nội dung 4: Kết quả công tác quốc phòng; bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; chấp hành pháp luật:**

4.1. Thực hiện Chương trình 3 giảm:

- Các hoạt động ngăn chặn, đẩy lùi, tấn công tội phạm và các tệ nạn xã hội nhất là ma túy, mại dâm, tội phạm hình sự trong thực hiện mục tiêu “3 giảm” của Thành phố. Tỷ lệ giảm các loại tội phạm hình sự, ma túy và mại dâm.

4.2. Công tác an ninh, trật tự:

- Công tác quản lý Nhà nước về an ninh trật tự ở các khu dân cư, quản lý nhà cho thuê để ở trên địa bàn phường và các ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

- Công tác giữ gìn trật tự lề đường, kéo giảm ùn tắc giao thông và tai nạn giao thông, phòng chống đua xe trái phép.

- Công tác phòng cháy chữa cháy ở các Khu dân cư và trong các cơ quan, doanh nghiệp.

- Công tác xây dựng lực lượng Công an, vững mạnh, trong sạch.

- Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc và công tác quản lý địa bàn dân cư.

4.3. Về công tác Quân sự địa phương:

- Công tác tổ chức, tham gia diễn tập phòng thủ.

- Công tác xây dựng, huấn luyện lực lượng.



- Thực hiện chỉ tiêu giao quân nghĩa vụ quân sự.
- Công tác hậu phương, quân đội.

#### 4.4. Hoạt động tư pháp:

- Kết quả công tác tuyên truyền và giáo dục pháp luật trong nội bộ và trong nhân dân.
- Hoạt động thi hành án dân sự với mức dưới 500.000 đồng theo phân cấp.

4.5. Kết quả thực hiện công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền. Công tác phòng chống tham nhũng: phải nêu rõ tự phát hiện sai phạm, để cho cơ quan khác hoặc nhân dân tố cáo. . .

### **Nội dung 5: Công tác xây dựng chính quyền, thực hiện chế độ thông tin, báo cáo, thống kê và công tác thi đua – khen thưởng:**

5.1. Có kế hoạch, chương trình công tác cụ thể, triển khai đầy đủ, kịp thời và kết quả thực hiện những chỉ đạo tập trung của Ủy ban nhân dân quận;

5.2. Tình hình sắp xếp tổ chức bộ máy và công tác quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức; xây dựng và quản lý đội ngũ công chức;

5.3. Tình hình thực hiện và hiệu quả công tác cải cách hành chính theo mô hình “Một cửa”;

5.4. Tình hình và hiệu quả thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở;

5.5. Tình hình thực hiện chế độ thông tin, báo cáo phục vụ kịp thời cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo ở địa phương và yêu cầu của Quận. Thực hiện tốt ứng dụng công nghệ thông tin vào việc sử dụng, khai thác thông tin trên mạng LAN và mạng Internet;

5.6. Dự hợ đầy đủ và đúng thành phần theo thư triệu tập của Ủy ban nhân dân quận;

5.7. Có kế hoạch phát động và hưởng ứng thi đua thường xuyên theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân quận; có đăng ký và tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá, bình chọn thi đua, khen thưởng; phổ biến gương điển hình kịp thời; tạo được phong trào Thi đua liên tục, rộng, mạnh; công tác lập hồ sơ, thủ tục đề nghị xét khen thưởng.

### **Nội dung 6: Công tác xây dựng Đảng:**

6.1. Hoạt động của Đảng ủy, Chi bộ khu phố;

6.2. Công tác Tuyên giáo;

6.3. Công tác Kiểm tra;

6.4. Công tác Dân vận.

**Nội dung 7: Hoạt động của các Đoàn thể:**

Đánh giá hoạt động và các phong trào quần chúng của các Đoàn thể chính trị xã hội theo chức năng và nhiệm vụ được giao trong năm; kết quả phát triển Đoàn viên, Hội viên trong năm tăng giảm so với năm trước, đánh giá phân loại chất lượng các tổ chức Đoàn thể ở cơ sở.

**Điều 7. Nội dung tổ chức phong trào Thi đua Khổi các ban xây dựng Đảng.**

**Nội dung 1: Kết quả thực hiện nhiệm vụ, chỉ tiêu, kế hoạch được giao (Quận ủy, các ban xây dựng Đảng Thành ủy);**

1.1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ, chỉ tiêu;

1.2. Công tác phối, kết hợp với các ban xây dựng Đảng trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

**Nội dung 2: Công tác tham mưu, giúp việc cho Quận ủy về lĩnh vực công tác chuyên môn;**

2.1. Công tác nghiên cứu, đề xuất với Quận ủy về chủ trương, biện pháp xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở Đảng về lĩnh vực chuyên môn;

2.2. Công tác sơ, tổng kết chuyên đề và công tác chuyên môn.

**Nội dung 3: Công tác quản lý cơ sở theo lĩnh vực chuyên môn phụ trách:**

3.1. Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra công tác chuyên môn đối với các Chi, Đảng bộ cơ sở;

3.2. Công tác thống kê, tổng hợp quản lý về chuyên môn đối với các Chi, Đảng bộ cơ sở.

**Nội dung 4: Công tác xây dựng đơn vị:**

4.1. Công tác sắp xếp bộ máy tổ chức và công tác quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức;

4.2. Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

**Nội dung 5: Thực hiện chế độ thông tin báo cáo, hội họp và công tác thi đua:**

5.1. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo;

5.2. Thực hiện chế độ hội họp;

5.3. Công tác thi đua.

**Nội dung 6: Xây dựng Chi bộ trong sạch vững mạnh, hoạt động đoàn thể:**

6.1. Xây dựng Chi bộ trong sạch vững mạnh;

6.2. Hoạt động đoàn thể.

**Điều 8. Nội dung tổ chức phong trào Thi đua Khôi Ủy Ban Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể.****Nội dung 1: Kết quả thực hiện nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch được giao:**

1.1. Kết quả phát triển Đoàn viên, Hội viên trong năm tăng giảm so với năm trước;

1.2. Công tác xây dựng tổ chức đoàn thể ở cơ sở.

**Nội dung 2: Kết quả công tác chỉ đạo, kiểm tra, phối hợp, hướng dẫn, giúp đỡ các phường và các phòng ban liên quan thực hiện nhiệm vụ chuyên môn thuộc lĩnh vực đoàn thể phụ trách.****Nội dung 3: Công tác xây dựng đơn vị, thực hiện chế độ thông tin, báo cáo, thống kê và công tác thi đua – khen thưởng:**

3.1. Tình hình sắp xếp tổ chức bộ máy và công tác quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức; xây dựng và quản lý đội ngũ công chức;

3.2. Tình hình và hiệu quả thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở;

3.3. Tình hình quản lý sử dụng ngân sách, chống lãng phí, thực hành tiết kiệm;

3.4. Tình hình thực hiện chế độ thông tin, báo cáo phục vụ kịp thời cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo ở địa phương và yêu cầu của quận. Thực hiện tốt ứng dụng công nghệ thông tin vào việc sử dụng, khai thác thông tin trên mạng LAN và mạng Internet;

3.5. Dự họp đầy đủ và đúng thành phần theo thư triệu tập của Quận ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận;

3.6. Có kế hoạch phát động và hưởng ứng thi đua thường xuyên theo chỉ đạo của Quận ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận; có đăng ký và tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá, bình chọn thi đua, khen thưởng; phổ biến gương điển hình kịp thời; tạo được phong trào Thi đua liên tục, rộng, mạnh; công tác lập hồ sơ, thủ tục đề nghị xét khen thưởng.

**Nội dung 4: Công tác xây dựng Đảng, hoạt động đoàn thể:**

Đánh giá hoạt động của Chi bộ và các phong trào của các đoàn thể theo chức năng và nhiệm vụ được giao trong năm.

- 4.1. Xây dựng Chi bộ trong sạch vững mạnh;
- 4.2. Công đoàn;
- 4.3. Đoàn Thanh niên;
- 4.4 Phụ nữ.

**Điều 9. Nội dung tổ chức phong trào Thi đua Khôi phục ban Chính quyền quận.**

**Nội dung 1: Kết quả thực hiện nhiệm vụ chỉ tiêu, kế hoạch được giao (Quận, ngành dọc Thành phố).**

**Nội dung 2: Công tác quản lý Nhà nước theo ngành, lĩnh vực phụ trách; công tác chỉ đạo, kiểm tra, phối hợp, hướng dẫn, giúp đỡ các phường và các phòng ban liên quan thực hiện nhiệm vụ chuyên môn thuộc lĩnh vực ban ngành, đoàn thể phụ trách.**

**Nội dung 3: Công tác tham mưu cho Quận ủy, Ủy ban nhân dân quận xây dựng các văn bản chỉ đạo của Quận ủy, Ủy ban nhân dân quận liên quan đến lĩnh vực của ban ngành, đoàn thể kịp thời, bảo đảm chất lượng. Khi đã có văn bản của Quận ủy, Ủy ban nhân dân quận, việc triển khai thực hiện kịp thời, đạt hiệu quả.**

**Nội dung 4: Công tác xây dựng các chuyên đề phục vụ các chủ trương, các giải pháp lớn của quận thuộc lĩnh vực của đơn vị phụ trách hoặc theo yêu cầu của quận.**

**Nội dung 5: Công tác xây dựng đơn vị, thực hiện chế độ thông tin, báo cáo, thống kê và công tác Thi đua - Khen thưởng:**

- 5.1. Tình hình sắp xếp tổ chức bộ máy và công tác quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức; xây dựng và quản lý đội ngũ công chức;
- 5.2. Tình hình và hiệu quả thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở;
- 5.3. Tình hình quản lý sử dụng ngân sách, chống lãng phí và thực hành tiết kiệm;
- 5.4. Tình hình thực hiện chế độ thông tin, báo cáo phục vụ kịp thời cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo ở địa phương và yêu cầu của quận. Thực hiện tốt ứng dụng công nghệ thông tin vào việc sử dụng, khai thác thông tin trên mạng LAN và mạng Internet;
- 5.5. Dự họp đầy đủ và đúng thành phần theo thư triệu tập của Ủy ban nhân dân quận;
- 5.6. Có kế hoạch phát động và hưởng ứng thi đua thường xuyên theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân quận; có đăng ký và tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá, bình chọn thi

đua, khen thưởng; phổ biến gương điển hình kịp thời; tạo được phong trào Thi đua liên tục, rộng, mạnh; công tác lập hồ sơ, thủ tục đề nghị xét khen thưởng.

**Nội dung 6: Công tác xây dựng Đảng, hoạt động đoàn thể:**

Đánh giá hoạt động của Chi bộ và các phong trào của các đoàn thể theo chức năng và nhiệm vụ được giao trong năm.

- 6.1. Xây dựng Chi bộ trong sạch vững mạnh;
- 6.2. Công đoàn;
- 6.3. Đoàn Thanh niên;
- 6.4. Phụ nữ.

**Điều 10. Công tác tổ chức phong trào Thi đua Khố doanh nghiệp và đơn vị sự nghiệp có thu thuộc quận.**

**Nội dung 1: Kết quả thực hiện nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch được giao:**

- 1.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu Kinh tế - Xã hội;
- 1.2. Kết quả thực hiện nghĩa vụ thu nộp thuế và thu nộp ngân sách.

**Nội dung 2: Kết quả công tác phối hợp với các ban ngành đoàn thể và các phường thực hiện nhiệm vụ chuyên môn thuộc lĩnh vực ngành phụ trách.**

**Nội dung 3: Công tác xây dựng đơn vị, thực hiện chế độ thông tin, báo cáo, thống kê và công tác Thi đua – Khen thưởng:**

- 3.1. Tình hình sắp xếp tổ chức bộ máy và công tác quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức; xây dựng và quản lý đội ngũ công chức;
- 3.2. Tình hình và hiệu quả thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở;
- 3.3. Tình hình quản lý sử dụng ngân sách, chống lãng phí và thực hành tiết kiệm;
- 3.4. Tình hình thực hiện chế độ thông tin, báo cáo phục vụ kịp thời cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo ở địa phương và yêu cầu của quận. Thực hiện tốt ứng dụng công nghệ thông tin vào việc sử dụng, khai thác thông tin trên mạng LAN và mạng Internet;
- 3.5. Dự họp đầy đủ và đúng thành phần theo thư triệu tập của Ủy ban nhân dân quận;
- 3.6. Có kế hoạch phát động và hưởng ứng thi đua thường xuyên theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân quận; có đăng ký và tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá, bình chọn thi đua, khen thưởng; phổ biến gương điển hình kịp thời; tạo được phong trào Thi đua liên tục, rộng, mạnh; công tác lập hồ sơ, thủ tục đề nghị xét khen thưởng.

**Nội dung 4: Công tác xây dựng Đảng, hoạt động Đoàn thể:**

Đánh giá hoạt động của Chi bộ và các phong trào của các Đoàn thể theo chức năng và nhiệm vụ được giao trong năm.

- 4.1. Xây dựng Chi bộ trong sạch vững mạnh;
- 4.2. Công đoàn;
- 4.3. Đoàn Thanh niên;
- 4.4. Phụ nữ;
- 4.5. Hội cựu chiến binh.

**Chương III****TIÊU CHUẨN XÉT DANH HIỆU THI ĐUA TẬP THỂ**

**Điều 11. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị quyết thắng”, “Đơn vị tiên tiến” được xét tặng hàng năm.**

1. Danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Sáng tạo, vượt khó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước;
- b) Có phong trào Thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;
- c) Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến";
- d) Có cá nhân đạt danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;
- đ) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Tập thể thuộc lực lượng vũ trang nhân dân đạt các tiêu chuẩn quy định tại các điểm a, b, d và đ khoản 1 Điều này, có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu "Chiến sĩ tiên tiến" thì được xét tặng danh hiệu "Đơn vị quyết thắng".

3. Danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến" được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch được giao;
- Có phong trào Thi đua thường xuyên, thiết thực, có hiệu quả;
- Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến" và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;
- Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Tập thể thuộc lực lượng vũ trang nhân dân đạt các tiêu chuẩn quy định tại các điểm a, b và d khoản 1 Điều này có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu "Chiến sĩ tiên tiến" thì được xét tặng danh hiệu "Đơn vị tiên tiến".

**Điều 12. Danh hiệu thi đua đối với Khu phố, Tổ dân phố, Gia đình văn hóa được xét tặng hàng năm.**

1. Danh hiệu Khu phố, Tổ dân phố văn hóa được xét tặng cho Khu phố, Tổ dân phố đạt các tiêu chuẩn sau:

- Đời sống kinh tế ổn định và từng bước phát triển;
- Đời sống văn hóa, tinh thần lành mạnh, phong phú;
- Môi trường cảnh quan sạch đẹp;
- Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước;
- Có tinh thần đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong cộng đồng.

2. Danh hiệu Gia đình văn hóa được thường xét tặng cho hộ gia đình đạt các tiêu chuẩn sau:

- Gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tích cực tham gia các phong trào Thi đua của địa phương nơi cư trú;
- Gia đình hòa thuận, hạnh phúc, tiến bộ; tương trợ giúp đỡ mọi người trong cộng đồng;
- Tổ chức lao động, sản xuất, kinh doanh, công tác, học tập đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả.

**Điều 13. Xét tặng Cờ thi đua**

1. Hàng năm, Hội đồng Thi đua, Khen thưởng quận chọn những đơn vị dẫn đầu thi đua của các khối để xét, đề nghị tặng cờ thi đua xuất sắc của Ủy ban nhân dân thành phố theo hướng dẫn của Hội đồng Thi đua, Khen thưởng thành phố;

2. Việc xét và đề nghị công nhận là tập thể tiêu biểu xuất sắc để được tặng cờ thi đua của Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương và Ủy ban nhân dân thành phố theo đề nghị và hiệp y của ngành dọc cấp trên được Hội đồng Thi đua, Khen thưởng quận họp xét và biểu quyết thông qua; trường hợp không họp Hội đồng để thông qua được, Thường trực Hội đồng Thi đua, Khen thưởng gửi phiếu xin ý kiến đến từng thành viên Hội đồng để biểu quyết.

#### **Điều 14. Xét tặng Bằng khen**

1. Việc đề nghị xét khen thưởng bằng hình thức Bằng khen của Ủy ban nhân dân thành phố cho các cơ quan đơn vị Khối Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và các phòng ban khối chính quyền quận phải có văn bản hiệp y của các cơ quan Đảng, đoàn thể, sở ngành chủ quản cấp thành phố.

Hàng năm, Hội đồng Thi đua, Khen thưởng quận chọn những đơn vị đạt bình quân từ 95 điểm trở lên để đề nghị Hội đồng Thi đua, Khen thưởng thành phố xét tặng Bằng khen của Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ để tặng cho tập thể và cá nhân đạt được tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 71 Luật Thi đua, khen thưởng.

3. Bằng khen của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cơ quan Trung ương của các đoàn thể, Ủy ban nhân dân thành phố để tặng cho cá nhân, tập thể thực hiện theo quy định tại Điều 72 Luật Thi đua, khen thưởng.

#### **Điều 15. Xét tặng Giấy khen**

Việc tặng thưởng Giấy khen được tiến hành thường xuyên, kịp thời cho các cá nhân, tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ ngay sau khi kết thúc đợt thi đua ngắn ngày, đợt thi đua theo chuyên đề, hoặc hoàn thành một hạng mục công trình và do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét, quyết định tặng thưởng giấy khen trên cơ sở phiếu trình của Thường trực Hội đồng Thi đua, Khen thưởng quận.

1. Giấy khen để tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ công dân;
- Có phẩm chất đạo đức tốt; đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước;
- Thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

2. Giấy khen để tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ;



- Nội bộ đoàn kết; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào Thi đua;

- Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm;

- Thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với mọi thành viên trong tập thể.

#### **Điều 16. Các danh hiệu thi đua khác**

Việc xét đề nghị danh hiệu thi đua khác cho cá nhân và tập thể thực hiện theo hướng dẫn của Hội đồng Thi đua, Khen thưởng thành phố và các quy định về thi đua, khen thưởng của Chính phủ.

### **Chương IV**

#### **TIÊU CHUẨN XÉT DANH HIỆU THI ĐUA CÁ NHÂN**

#### **Điều 17. Tiêu chuẩn “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”:**

1. Cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan, đơn vị doanh nghiệp; được xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến hàng năm khi đạt các tiêu chuẩn sau :

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất và chất lượng cao;

b) Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có tinh thần tự lực, tự cường; đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia các phong trào Thi đua;

c) Tích cực học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn, nghiệp vụ;

d) Có đạo đức, lối sống lành mạnh.

2. Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng, chiến sĩ Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp, chiến sĩ Công an nhân dân đạt các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này được xét tặng danh hiệu "Chiến sĩ tiên tiến".

3. Người lao động không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này mà gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có đạo đức, lối sống lành mạnh, đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia các phong trào Thi đua sản xuất, hoạt động xã hội và lao động có năng suất cao thì được xét tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến".

Việc xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” và “Chiến sĩ tiên tiến” do đơn vị cấp trực tiếp quản lý xét tặng danh hiệu. Trong trường hợp cán bộ công chức viên chức và chiến sĩ lực lượng vũ trang nghỉ quá 40 ngày làm việc trong năm sẽ không được xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, "Chiến sĩ tiên tiến" .

**Điều 18. Tiêu chuẩn Chiến sĩ thi đua cơ sở**

Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở được xét tặng cho các cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau đây:

1. Là “Lao động tiên tiến” hoặc “Chiến sĩ tiên tiến”;
2. Có sáng kiến cải tiến kỹ thuật hoặc áp dụng công nghệ mới để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Đối với đơn vị hoàn thành nhiệm vụ ở mức trung bình, lãnh đạo đơn vị không được đề nghị xét danh hiệu chiến sĩ thi đua .

**Điều 19. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp thành phố**

Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Thành phố được xét đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố tặng cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân có 3 lần liên tục đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở, tiêu biểu, có sáng kiến, cải tiến trong sản xuất, trong công tác đạt hiệu quả chất lượng cao.

**Chương V****CÁCH CHẤM ĐIỂM VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN XÉT THI ĐUA****Điều 20. Cách chấm điểm.**

Báo cáo chấm điểm, xếp hạng thi đua phải dựa vào kết quả và số liệu cụ thể về tình hình thực hiện nhiệm vụ cả năm và thực hiện một cách tự giác, trung thực, khắc phục việc che giấu khuyết điểm tồn tại, chạy theo thành tích.

**1. Điểm chuẩn:**

- Một nội dung công tác có nhiều chỉ tiêu, mỗi chỉ tiêu được chấm tối đa là 100 điểm (chưa tính điểm vượt kế hoạch được thưởng); điểm của nội dung là điểm bình quân các chỉ tiêu trong từng nội dung.

- Các chỉ tiêu có số liệu tính được % thì cứ 1% đạt được, được tính 01 điểm.

- Các mặt công tác hoặc tiêu chuẩn không tính được tỉ lệ % cụ thể; trước đây các đơn vị thường phân loại A, B, C hoặc Tiên tiến, Khá, Trung bình... nay phải thực hiện theo thang điểm.

**2. Điểm cộng:**

- Các chỉ tiêu kế hoạch được giao hoặc đơn vị xây dựng đã được quận phê duyệt vượt 1% được cộng thêm 01 điểm cho tiêu chuẩn đó; nhưng điểm thêm không quá 10 điểm.

- Có một điển hình hoặc một mô hình mới được tổ chức học tập nhân rộng được cộng 10 điểm cho tiêu chuẩn thi đua và phải có báo cáo cụ thể về điển hình hoặc mô hình mới kèm theo báo cáo chấm điểm.

### 3. Điểm trừ:

Các đơn vị sẽ bị trừ điểm khi:

Thường trực Quận ủy, Ủy ban nhân dân quận phê bình hoặc nhắc nhở bằng văn bản trên lĩnh vực thuộc tiêu chuẩn nào, tiêu chuẩn đó bị trừ 10 điểm;

- Báo cáo tổng kết, chấm điểm, xếp hạng thi đua cuối năm chậm so với thời gian quy định bị trừ 10 điểm;

- Thiếu một báo cáo thường xuyên theo qui định hoặc báo cáo đột xuất do Quận ủy, Ủy ban nhân dân quận yêu cầu bị trừ 5 điểm ở tiêu chuẩn thông tin báo cáo;

- Vắng mỗi cuộc họp giao ban do Quận ủy, Ủy ban nhân dân quận triệu tập nhưng không báo cáo lý do bị trừ 2 điểm ở tiêu chuẩn dự họp.

### **Điều 21. Cách tính điểm thi đua:**

Các phường, ban ngành, đoàn thể, cơ quan đơn vị căn cứ vào báo cáo kết quả cụ thể để tự chấm điểm theo từng chỉ tiêu trong mỗi nội dung; điểm bình quân của các chỉ tiêu trong nội dung (đã tính điểm cộng, trừ). Cộng điểm của các nội dung là điểm của đơn vị.

#### 1. Điểm của phường:

- Ngoài điểm phường tự chấm; các ban ngành, đoàn thể quận sẽ chấm điểm cho các phường trên những tiêu chuẩn hoặc những nội dung công tác liên quan đến ban ngành, đoàn thể phụ trách.

- Điểm thi đua của phường là điểm do Hội đồng Thi đua và Khen thưởng quận xem xét trên cơ sở điểm của các ban ngành, đoàn thể quận chấm và điểm phường tự chấm để trình Ủy ban nhân dân quận quyết định.

#### 2. Điểm của ban ngành, đoàn thể, đơn vị thuộc quận:

- Ngoài điểm của đơn vị tự chấm còn có kết quả đánh giá xếp loại của các sở, ngành và đoàn thể thành phố đánh giá xếp loại thi đua cho các ban ngành, đoàn thể, đơn vị thuộc quận và điểm nhận xét của Ủy ban nhân dân các phường về những nội dung hoạt động của ban ngành, đoàn thể, đơn vị thuộc quận có liên quan đến phường.

Ngoài ra, căn cứ chủ đề hàng năm, Hội đồng Thi đua và Khen thưởng quận sẽ căn cứ kết quả việc thực hiện chủ đề thuộc đơn vị được phân công quản lý để cho điểm cộng hoặc điểm trừ vào tổng số điểm của đơn vị để đánh giá xếp hạng, điểm cộng hoặc điểm trừ tối đa là 10 điểm.

### **Điều 22. Phân loại và xếp hạng.**

Căn cứ vào kết quả chấm điểm, Hội đồng Thi đua, Khen thưởng quận sẽ phân loại và xếp hạng từ cao xuống thấp để làm cơ sở xét đề nghị khen thưởng.

### **Điều 23. Quy trình xét thi đua.**

1. Căn cứ nội dung đăng ký thi đua và kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm; Thủ trưởng các ban ngành, đoàn thể, đơn vị thuộc Quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường báo cáo kết quả thực hiện các nội dung phong trào Thi đua yêu nước của cơ quan đơn vị và tự đánh giá, chấm điểm và xếp loại theo bảng điểm của Hội đồng Thi đua, Khen thưởng quận hướng dẫn (trước ngày 30 tháng 11 hàng năm).

Bảng chấm điểm thi đua của phường có nhận xét, chấm điểm của các ban ngành đoàn thể có liên quan trên lĩnh vực được phân công phụ trách.

Bảng chấm điểm thi đua của các ban ngành, đoàn thể, đơn vị thuộc quận có nhận xét, chấm điểm của phường, lãnh đạo phụ trách và ngành dọc cấp trên liên quan quá trình theo dõi lĩnh vực của các cơ quan đơn vị;

2. Thường trực Hội đồng Thi đua và Khen thưởng quận tổng hợp kết quả chấm điểm của các cơ quan đơn vị theo khối thi đua để họp Hội đồng Thi đua và Khen thưởng quận và Ủy ban nhân dân quận xem xét, khen thưởng các đơn vị dẫn đầu khối thi đua, khen thưởng những đơn vị xuất sắc của quận (trước ngày 10 tháng 12 hàng năm).

3. Hội đồng Thi đua, Khen thưởng quận họp xét thi đua vào tuần cuối tháng 12 hàng năm để thông qua Ban Thường vụ Quận ủy xem xét quyết định kết quả xét thi đua năm. Kết quả xếp loại thi đua, khen thưởng được thông báo bằng văn bản đến các cơ quan đơn vị trước khi tổ chức Hội nghị tổng kết.

## **Chương VI**

### **THỦ TỤC HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG**

#### **Điều 24. Đối với công tác thi đua - khen thưởng định kỳ hàng năm**

Thủ tục xét, đề nghị khen thưởng gồm:

- Báo cáo kết quả thực hiện phong trào Thi đua của cơ quan đơn vị;
- Bảng chấm điểm thi đua theo hướng dẫn của Hội đồng Thi đua, Khen thưởng quận có văn bản hiệp y đánh giá, xếp loại thi đua của cơ quan chủ quản ngành dọc cấp trên;
- Biên bản họp xét thi đua của cơ quan đơn vị đối với các danh hiệu thi đua cá nhân.

### **Điều 25. Đối với công tác khen thưởng theo chuyên đề hoặc đột xuất**

Thủ tục đề nghị Ủy ban nhân dân quận tặng Giấy khen hoặc đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố tặng Bằng khen về thành tích của các tập thể và cá nhân trong thực hiện các chuyên đề hoặc đột xuất, gồm:

- Tờ trình của cơ quan, đơn vị đề nghị;
- Tóm tắt thành tích của tập thể và cá nhân;
- Tờ trình của Thường trực Hội đồng Thi đua, Khen thưởng quận.

Trường hợp đề nghị tặng bằng khen của Ủy ban nhân dân thành phố phải có văn bản hiệp y của các cơ quan chủ quản ngành dọc cấp thành phố và bản báo cáo thành tích của tập thể và cá nhân đề nghị khen thưởng.

### **Điều 26. Đối với đề nghị khen thưởng các danh hiệu thi đua khác của các tập thể và cá nhân.**

Thủ tục đề nghị xét tặng các danh hiệu thi đua khác thực hiện theo hướng dẫn của Hội đồng Thi đua, Khen thưởng thành phố và các quy định của Nhà nước về thi đua, khen thưởng.

## **Chương VII VỀ CÔNG TÁC KHEN THƯỞNG:**

### **Điều 27.**

1. Công tác khen thưởng thành tích, gồm: khen thưởng tổng kết năm, khen thưởng tổng kết các chương trình công tác tập trung của quận, khen thưởng những thành tích đột xuất đặc biệt xuất sắc; khen thưởng cho đối tượng là tập thể hoặc cá nhân và khen thưởng các đơn vị, cá nhân thuộc Trung ương và thành phố hoạt động trên địa bàn quận có những đóng góp tích cực và hiệu quả trong sự nghiệp bảo vệ, xây dựng và phát triển Quận.

2. Khi xem xét thành tích của cá nhân hoặc tập thể, yêu cầu phải gắn liền với kết quả thực hiện tốt nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch công tác năm của cá nhân, tập thể. Đây là tiêu chuẩn cơ bản mang tính quyết định; tránh tình trạng cá nhân, tập thể được khen thưởng nhưng không hoàn thành nhiệm vụ hoặc thực hiện nhiệm vụ ở mức trung bình khá.

3. Thủ trưởng, Hội đồng Thi đua, Khen thưởng các cơ quan, đơn vị phải có trách nhiệm xem xét, đánh giá kết quả phong trào Thi đua của các tập thể, cá nhân trực thuộc để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên xét khen thưởng khắc phục tình trạng nơi nào đề nghị mới xét, đơn vị có thành tích nhưng không đề nghị thì không được xét khen thưởng.

4. Tỷ lệ khen thưởng phải luôn cân đối giữa tỷ lệ khen người lao động trực tiếp phải nhiều hơn khen cán bộ quản lý, cán bộ lãnh đạo. Phải xem xét, bình chọn khen thưởng từ cấp thấp, rồi chọn từ số được khen đó để bình chọn những tập thể, cá nhân tiêu biểu đề nghị lên cấp trên khen. Ví dụ khi đề nghị Chiến sĩ thi đua cơ sở phải bình chọn từ số đạt lao động giỏi.

## **Chương VIII**

### **NGUỒN, MỨC TRÍCH QUỸ VÀ SỬ DỤNG QUỸ**

#### **Điều 28. Nguồn và mức trích quỹ**

1. Quỹ thi đua, khen thưởng của quận, phường được hình thành từ nguồn ngân sách Nhà nước hàng năm với mức tối đa bằng 1,0% chi ngân sách thường xuyên.

2. Quỹ thi đua, khen thưởng của doanh nghiệp Nhà nước được trích từ quỹ khen thưởng của đơn vị theo quy định của Nghị định số 59/CP ngày 30 tháng 10 năm 1996 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý tài chính và hạch toán kinh doanh đối với doanh nghiệp Nhà nước và nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong, ngoài nước và các nguồn thu hợp pháp khác.

#### **Điều 29. Sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng**

Quỹ thi đua, khen thưởng được sử dụng để chi:

a) Chi cho in ấn Giấy chứng nhận, Giấy khen, Bằng khen, làm các Kỷ niệm chương, khung Bằng khen;

b) Chi tiền thưởng hoặc tặng phẩm lưu niệm cho các cá nhân, tập thể theo định mức quy định của Nhà nước;

**Điều 30. Quản lý quỹ thi đua, khen thưởng**

1. Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp nào do cơ quan thi đua, khen thưởng cấp đó quản lý; nguồn trích, tỉ lệ và mức trích trên cơ sở dự toán kế hoạch; việc quyết toán căn cứ số chi thực tế theo đúng chế độ, chính sách quy định.

2. Thủ trưởng cơ quan cấp nào ra quyết định khen thưởng thì cấp đó chịu trách nhiệm chi tiền thưởng từ nguồn tiền thưởng do cấp mình quản lý.

3. Đối với các cơ quan sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách quận khi đề nghị khen thưởng, tiền khen thưởng được tính trong nguồn kinh phí do ngân sách hỗ trợ.

**Điều 31. Mức khen thưởng.**

1. Chiến sĩ thi đua cơ sở được thưởng: 300.000 đồng (hoặc hiện vật kỷ niệm có giá trị tương đương).

2. Lao động tiên tiến, Chiến sĩ tiên tiến được thưởng: 100.000 đồng (hoặc hiện vật kỷ niệm có giá trị tương đương).

3. Tập thể lao động xuất sắc, đơn vị quyết thắng được thưởng: 1.000.000 đồng (hoặc hiện vật kỷ niệm có giá trị tương đương).

4. Tập thể lao động tiên tiến, đơn vị tiên tiến được thưởng: 500.000 đồng (hoặc hiện vật kỷ niệm có giá trị tương đương).

5. Gia đình văn hóa, được cấp Giấy chứng nhận và được thưởng: 50.000 đồng (hoặc hiện vật kỷ niệm có giá trị tương đương).

6. Khu phố, Tổ dân phố văn hóa được tặng Giấy khen và được thưởng: 500.000 đồng (hoặc hiện vật kỷ niệm có giá trị tương đương).

7. Cá nhân, tập thể được Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận tặng thưởng Giấy khen và kèm theo mức tiền thưởng đối với cá nhân: 100.000 đồng; đối với tập thể: 200.000 đồng (hoặc hiện vật kỷ niệm có giá trị tương đương).

8. Cá nhân, tập thể được tặng thưởng các danh hiệu thi đua, Bằng khen, cờ thi đua cấp Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, Thành phố được tặng thưởng theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và hướng dẫn của Hội đồng Thi đua, Khen thưởng thành phố.

**Chương IX**  
**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 32. Hiệu lực thi hành**

Quy chế này có hiệu lực thi hành sau 07 (bảy) ngày, kể từ ngày ký ban hành. Những quy định trước đây trái với Quy chế này đều bãi bỏ. Quy chế này sẽ được sửa đổi, bổ sung khi có quy định mới về thi đua, khen thưởng của Trung ương hoặc Ủy ban nhân dân thành phố.

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc quận, Hội đồng Thi đua, Khen thưởng quận và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 12 phường chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**

**Trương Văn Non**

---

---

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: [ttcb@tphcm.gov.vn](mailto:ttcb@tphcm.gov.vn)

Website: [www.congbao.hochiminhcity.gov.vn](http://www.congbao.hochiminhcity.gov.vn)

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng

**Giá: 5.000 đồng**